

Số: *172* /TTr-UBND

*Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2022*

**TỜ TRÌNH**

**Về việc ban hành Nghị quyết sửa đổi mức thu phí bảo vệ môi trường đối với  
khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Thực hiện Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Căn cứ kết quả rà soát tình hình thực hiện và quản lý việc thu phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, ban hành Nghị quyết “Sửa đổi mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội”.

Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố các nội dung cụ thể như sau:

**I. CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủ đô số 25/2012/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XVII (nhiệm kỳ 2020-2025) Đảng bộ thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố;

Căn cứ Chương trình số 05-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội về “Đẩy mạnh công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, ứng phó biến đổi khí hậu trên địa bàn thành phố Hà Nội, giai đoạn 2021 – 2025”;

Căn cứ Chỉ thị số 13-CT/TU ngày 02/3/2022 của Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội về việc tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo trong công tác quản lý đất đai và quản lý, khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Chỉ thị số 14-CT/TU ngày 02/3/2022 của Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội về việc tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, quản lý đô thị và trật tự xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Và các văn bản pháp luật liên quan khác.

## **II. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT:**

Hiện nay, thực trạng nguồn tài nguyên khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội dần cạn kiệt, việc khai thác khoáng sản trên địa bàn có khả năng gây tác động tiêu cực đến môi trường, nhất là các hoạt động về khai thác cát, đất đá.

Ngày 01/01/2022, Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 có hiệu lực thi hành. Tại khoản 1 điều 67 quy định “*1. Tổ chức, cá nhân tiến hành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản phải có phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ, cải tạo và phục hồi môi trường*”. Do vậy, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản cần thiết phải được tuân thủ nghiêm túc.

Ngày 17/3/2021, Thành ủy Hà Nội ban hành Chương trình số 05-CTr/TU nhằm đẩy mạnh công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường. Ngày 16/7/2021, UBND Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 168/KH-UBND để triển khai Chương trình số 05-CTr/TU trong đó có nội dung hoàn thành các giải pháp, chỉ tiêu công tác quản lý sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường, có đề xuất một yêu cầu, nhiệm vụ liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản, phương án khai thác khoáng sản và bảo vệ khoáng sản chưa khai thác.

Trong khi đó, quy định về mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội không thay đổi trong thời gian dài.

Từ 01/01/2013, mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản được thực hiện theo Quyết định số 44/2012/QĐ-UBND ngày 12/12/2012 của UBND Thành phố, trong đó có 6/8 loại khoáng sản đã có mức thu bằng mức thu tối đa theo khung của Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản. Từ năm 2017 đến nay, mức thu phí bảo vệ môi trường khai thác khoáng sản trên địa bàn Hà Nội đối với 8/8 loại khoáng sản không thay đổi và bằng mức thu tối đa theo khung của Nghị định số 164/2016/NĐ-CP.

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc Hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội quy định cơ chế đặc thù về phí: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội có quyền quyết định áp dụng điều chỉnh mức hoặc tỷ lệ thu phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, trên địa bàn phù hợp với đặc điểm của thành phố Hà Nội.

Qua rà soát cho thấy, phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là khoản phí thuộc Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí đã được Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành quy định thu phí trên địa bàn thành phố Hà Nội, thuộc phạm vi điều chỉnh tại Nghị quyết số 115/2020/QH14. Do vậy, khoản phí này cần thiết phải được rà soát, nghiên cứu để điều chỉnh mức thu cho phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, phù hợp với tình hình khai thác khoáng sản hiện nay trên địa bàn thành phố Hà Nội và đáp ứng mục tiêu của Nghị quyết số 115/2020/QH14.

Từ những sự thay đổi về cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên, cho thấy mức thu của phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản hiện nay đã không còn phù hợp, cần thiết sửa đổi mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng điều chỉnh tăng mức thu phí hiện hành, theo cơ chế đặc thù tại Nghị quyết số 115/2020/QH14, để đáp ứng quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và phù hợp với yêu cầu về bảo vệ môi trường và vị thế của Thủ đô Hà Nội. Đồng thời việc tăng mức thu phí cũng tạo được nguồn thu ngân sách từ khoản thu phí để đầu tư cho hoạt động bảo vệ môi trường.

### **III. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT:**

#### **1. Mục đích:**

Hiện nay, thực trạng nguồn tài nguyên khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội dần cạn kiệt, cần đảm bảo việc khai thác các loại khoáng sản trên địa bàn có hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, khoáng sản. Việc khai thác khoáng sản trên địa bàn có khả năng gây tác động tiêu cực đến môi trường (Nhóm dự án theo tiêu chí nhóm I, nhóm II quy định tại khoản 4 Điều 28 Luật BVMT 2020), do đó cần phải áp dụng mức thu cao để phòng ngừa, hạn chế, khắc phục suy thoái, ô nhiễm môi trường do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra, giữ gìn vệ sinh, bảo vệ và tái tạo cảnh quan môi trường và yêu cầu về bảo vệ đô thị, bảo vệ nông nghiệp tại nơi có hoạt động khai thác khoáng sản.

## **2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết:**

Thực hiện đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Phí và lệ phí, Luật Bảo vệ môi trường, Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội, và các quy định của pháp luật.

Việc điều chỉnh mức thu phí tăng thêm cần phù hợp, mức tăng thêm không quá cao để khuyến khích các tổ chức, cá nhân tự giác và nghiêm túc thực hiện trách nhiệm về bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; đồng thời vẫn tạo môi trường sản xuất, kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp, đảm bảo theo đúng mục tiêu của Nghị quyết số 115/2020/QH14.

## **IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT:**

### **1. Căn cứ đề xuất sửa đổi:**

Biến động tăng mức giá tính thuế tài nguyên khoáng sản hiện nay (theo Quyết định số 9044/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND Thành phố về việc phê duyệt giá tính thuế tài nguyên năm 2017) so với giá tính thuế tài nguyên khoáng sản tại thời điểm ban hành Nghị Quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 03/7/2017 của HĐND Thành phố (theo Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 18/1/2016 của UBND Thành phố về việc phê duyệt giá tính thuế tài nguyên năm 2016) thì giá tính thuế tài nguyên khoáng sản trong biến động tăng thêm: Đá xây dựng từ 50.000 đ/m<sup>3</sup> lên 88.000 đ/m<sup>3</sup>, tăng thêm 80%; Nhóm đá vôi, đá sét làm xi măng, Puzolan tăng thêm trung bình 130%; Cát đen san lấp tăng từ 15.000 đ/m<sup>3</sup> lên 56.000 đ/m<sup>3</sup>, tăng thêm 270%; Đất san lấp tăng từ 15.000 đ/m<sup>3</sup> lên 49.000 đ/m<sup>3</sup>, tăng thêm 140%. Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là thành phần cấu thành giá tính thuế tài nguyên, do vậy, phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội cần phải tăng lên để phù hợp với biến động tăng của giá tính thuế tài nguyên.

Tại Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản (Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý), phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản của nhóm khoáng sản vật liệu xây dựng đang được đề xuất tăng thêm khoảng 50%.

Thời gian qua, Chính phủ đã có các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp gặp khó khăn do dịch bệnh Covid 19 và giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố đang có xu hướng tăng cao nên việc điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản tăng thêm cần được xem xét ở mức phù hợp, tránh gây tác động làm tiếp tục tăng giá vật liệu xây dựng ảnh hưởng đến các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn thành phố. Tuy nhiên, đến nay tình hình dịch Covid trên địa bàn thành phố Hà Nội cơ bản đã được kiểm soát. Các doanh nghiệp khai thác khoáng sản đã hoạt động bình thường trở lại, qua tham vấn hầu hết các doanh nghiệp đều thống nhất với mức điều chỉnh tăng phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản. Mặt khác, mức phí bảo vệ môi trường tăng thêm của khoáng sản vật liệu xây dựng chỉ chiếm khoảng 1% của

giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố, do vậy mức tăng này tác động không đáng kể đến giá vật liệu xây dựng.

Chỉ số giá tiêu dùng dự kiến đến 2025 tăng khoảng 50% so với năm 2012, do vậy mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố cần tăng thêm 50%; đồng thời đề xuất tăng mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản thêm 10% do đặc thù của thành phố Hà Nội theo Nghị quyết số 115/2020/QH14 (*số thu tăng thêm từ khoản thu phí để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế- xã hội và hoạt động bảo vệ môi trường*). Như vậy, đề xuất mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố tăng thêm 60% so với mức quy định tại Nghị Quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 và mức tối đa quy định tại Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ.

**Riêng đối với khoáng sản cát (Cát san lấp, cát xây dựng):** Đây là loại khoáng sản được khai thác chủ yếu ở thành phố Hà Nội, hiện nay có 09 giấy phép khai thác còn hiệu lực. Hoạt động khai thác cát có thể tác động đến dòng chảy, đê điều, công trình thủy lợi. Việc tăng thêm mức thu phí bảo vệ môi trường đối với việc khai thác cát so với 07 loại khoáng sản còn lại trên địa bàn thành phố sẽ khuyến khích sử dụng vật liệu khác thay thế cát xây dựng, góp phần hạn chế khai thác, giảm vấn đề ô nhiễm môi trường và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, đê điều và công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố của các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác cát.

Đồng thời tham khảo mức tăng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản đề xuất tại Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 164/2016/NĐ-CP, phí bảo vệ môi trường tối đa đối với khai thác khoáng sản cát trong Dự thảo đã nâng lên 7.500 đ/m<sup>3</sup>.

Vì vậy, đề xuất cần tăng mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản cát thêm 90% (lên mức 7.600 đ/m<sup>3</sup>) so với mức quy định tại Nghị Quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020.

## **2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết:**

**Điều 1.** Đề xuất sửa đổi mức thu tại điểm b, khoản 4, Phần B, Danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố theo cơ chế đặc thù tại Nghị quyết số 115/2020/QH14 của Quốc Hội (*Có Phụ lục chi tiết kèm theo*)

## **Điều 2.** Điều khoản thi hành.

Điều khoản thi hành quy định hiệu lực thi hành của Nghị quyết.

Hiệu lực thi hành của Nghị quyết, thực hiện theo đúng quy định tại Điều 151 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 và Điều 38 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 15/4/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (hiệu lực thi hành được quy định tại Nghị quyết không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày ký ban hành).

Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét và quyết định (Gửi kèm theo Hồ sơ ban hành Nghị quyết và dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố)./. *Sc*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Thành Ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố; (để báo cáo)
- Các PCT UBND Thành phố;
- Cục Thuế Hà Nội;
- Các Sở: TN&MT, Tài chính, Tư pháp;
- Kho bạc Nhà nước Hà Nội;
- VPUB: CVP, PCVP<sub>Đ.Q.Hùng</sub>, KTTH;
- TNMT, TH;
- Lưu: VT, KTTH<sub>Luật</sub>. *BL*

50

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT.CHỦ TỊCH** ✓

**PHÓ CHỦ TỊCH** ✓



**Lê Hồng Sơn** *h*

**PHỤ LỤC:**  
**SỬA ĐỔI MỨC THU PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**ĐỐI VỚI KHAI THÁC KHOÁNG SẢN TRÊN**  
**ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

(Kèm theo Tờ trình số: ~~172~~ /TTr-UBND ngày 20/6/2022 của UBND Thành phố)

| Số TT | Loại khoáng sản                                        | Đơn vị tính    | Mức thu theo Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND (đồng) | Khung mức thu theo Nghị định 164/2016/NĐ-CP |                       | Mức thu đề xuất mới trên địa bàn Hà Nội theo Nghị quyết số 115/2020/QH14 (đồng) | Tỷ lệ tăng thêm so với mức thu đang thực hiện |
|-------|--------------------------------------------------------|----------------|------------------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
|       |                                                        |                |                                                | Mức thu tối thiểu (đồng)                    | Mức thu tối đa (đồng) |                                                                                 |                                               |
| 1     | Đá làm vật liệu xây dựng thông thường                  | m <sup>3</sup> | 5.000                                          | 1.000                                       | 5.000                 | 8.000                                                                           | 60%                                           |
| 2     | Các loại đá khác (Đá vôi, đá sét làm xi măng, Puzolan) | Tấn            | 3.000                                          | 1.000                                       | 3.000                 | 4.800                                                                           | 60%                                           |
| 3     | Các loại cát khác (Cát san lấp, cát xây dựng,...)      | m <sup>3</sup> | 4.000                                          | 2.000                                       | 4.000                 | 7.600                                                                           | 90%                                           |
| 4     | Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình          | m <sup>3</sup> | 2.000                                          | 1.000                                       | 2.000                 | 3.200                                                                           | 60%                                           |
| 5     | Đất sét, đất làm gạch, ngói                            | m <sup>3</sup> | 2.000                                          | 1.500                                       | 2.000                 | 3.200                                                                           | 60%                                           |
| 6     | Cao lanh                                               | m <sup>3</sup> | 7.000                                          | 5.000                                       | 7.000                 | 11.200                                                                          | 60%                                           |
| 7     | Nước khoáng thiên nhiên                                | m <sup>3</sup> | 3.000                                          | 2.000                                       | 3.000                 | 4.800                                                                           | 60%                                           |
| 8     | Than bùn                                               | Tấn            | 10.000                                         | 6.000                                       | 10.000                | 16.000                                                                          | 60%                                           |

*Đối với trường hợp khoáng sản không có trong danh mục nêu trên thì áp dụng mức thu tối đa theo Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).*

Số: /2022/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Sửa đổi mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản  
trên địa bàn thành phố Hà Nội**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ ...**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13  
ngày 22 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban  
hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Luật Thủ đô số 25/2012/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 về thi  
điểm một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố  
Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của  
Chính phủ quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính  
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng  
dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh,  
thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của  
Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-  
BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền  
quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2022 về việc ban hành sửa  
đổi mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn  
thành phố Hà Nội và Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND  
Thành phố; Báo cáo giải trình, tiếp thu số /BC-UBND của Ủy ban nhân dân  
Thành phố, Ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu HĐND Thành  
phố tại kỳ họp



## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Sửa đổi mức thu phí tại điểm b khoản 4 Phần B Danh mục các khoản phí và lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố, như sau:

| STT | Loại khoáng sản                                        | Đơn vị tính    | Mức thu phí (đồng) |
|-----|--------------------------------------------------------|----------------|--------------------|
| 1   | Đá làm vật liệu xây dựng thông thường                  | m <sup>3</sup> | 8.000              |
| 2   | Các loại đá khác (Đá vôi, đá sét làm xi măng, Pozolan) | Tấn            | 4.800              |
| 3   | Các loại cát khác (Cát san lấp, cát xây dựng,...)      | m <sup>3</sup> | 7.600              |
| 4   | Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình          | m <sup>3</sup> | 3.200              |
| 5   | Đất sét, đất làm gạch, ngói                            | m <sup>3</sup> | 3.200              |
| 6   | Cao lanh                                               | m <sup>3</sup> | 11.200             |
| 7   | Nước khoáng thiên nhiên                                | m <sup>3</sup> | 4.800              |
| 8   | Than bùn                                               | Tấn            | 16.000             |

*Đối với trường hợp khoáng sản không có trong danh mục nêu trên thì áp dụng mức thu tối đa theo Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).*

**Điều 2.** Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.
3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức chính trị- xã hội Thành phố tham gia giám sát thực hiện Nghị quyết này.
4. Các nội dung khác không sửa đổi tại Nghị quyết này tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố.

5. Trong quá trình thực hiện Nghị quyết này, nếu có khó khăn vướng mắc Ủy ban nhân dân Thành phố kịp thời báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố để giải quyết theo thẩm quyền.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thường lệ giữa năm 2022 thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ QH;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu thuộc UBTWQH;
- Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Tổng cục Thuế;
- Thường trực Thành ủy;
- TT HĐND UBND, UBMTTQ Thành phố;
- Đoàn ĐB Quốc hội Hà Nội;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Ban Đảng TU, VPTU;
- VP HĐND TP, VP UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- TT HĐND, UBND quận, huyện, thị xã;
- Công GTĐT TP, Công báo TP;
- Trang web của HĐND TP;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Ngọc Tuấn**

## **BÁO CÁO THUYẾT MINH**

**Về việc ban hành Nghị quyết sửa đổi mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội**

*(Đã tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý của các cơ quan liên quan- Kèm theo Tờ trình Liên ngành số: 28439/TTrLN: CTHN-TNMT ngày 17/6/2022)*

Căn cứ quy trình xây dựng, ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020; văn bản số 1009/STP-VBPQ ngày 28/4/2022 của Sở Tư pháp hướng dẫn quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố;

Ngày 03/6/2022, Liên ngành các Sở: Tài nguyên và Môi trường - Cục thuế thành phố Hà Nội - Tài chính - Kho bạc Nhà nước thành phố Hà Nội đã có Tờ trình liên ngành số 3853/TTrLN: TNMT-CTHN-TC- KBNN trình Ủy ban nhân dân Thành phố đề nghị ban hành Nghị quyết "về việc điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố Hà Nội thực hiện theo Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội."

Trên cơ sở ý kiến của các thành viên tham dự phiên họp Ủy ban nhân dân Thành phố thường kỳ tháng 6 năm 2022 (ngày 09/6/2022); ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại văn bản số 139/BC-STP ngày 9/6/2022; tiếp thu các ý kiến phản biện xã hội của Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội tại văn bản số 166/TB-MTTQ-BTT ngày 16/6/2022.

Liên ngành: Cục thuế thành phố Hà Nội - Tài nguyên và Môi trường đã chỉnh sửa, hoàn thiện Hồ sơ đề nghị ban hành Nghị quyết như sau:

### **I. CĂN CỨ PHÁP LÝ**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủ đô số 25/2012/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XVII (nhiệm kỳ 2020-2025) Đảng bộ thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố;

Căn cứ Chương trình số 05-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội về “Đẩy mạnh công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, ứng phó biến đổi khí hậu trên địa bàn thành phố Hà Nội, giai đoạn 2021 – 2025”;

Căn cứ Chỉ thị số 13-CT/TU ngày 02/3/2022 của Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội về việc tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo trong công tác quản lý đất đai và quản lý, khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Chỉ thị số 14-CT/TU ngày 02/3/2022 của Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội về việc tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, quản lý đô thị và trật tự xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Và các văn bản pháp luật liên quan khác.

## II. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Hiện nay, thực trạng nguồn tài nguyên khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội dần cạn kiệt, việc khai thác khoáng sản trên địa bàn có khả năng gây tác động tiêu cực đến môi trường, nhất là các hoạt động về khai thác cát, đất đá.

Ngày 01/01/2022, Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 có hiệu lực thi hành. Tại khoản 1 điều 67 quy định “1. Tổ chức, cá nhân tiến hành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản phải có phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ, cải tạo và phục hồi môi trường”. Do vậy, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản cần thiết phải được tuân thủ nghiêm túc.

Ngày 17/3/2021, Thành ủy Hà Nội ban hành Chương trình số 05-CTr/TU nhằm đẩy mạnh công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường. Ngày 16/7/2021, UBND Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 168/KH-UBND để triển khai Chương trình số 05-CTr/TU trong đó có nội dung hoàn thành các giải pháp, chỉ tiêu công tác quản lý sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường, có đề xuất một yêu cầu, nhiệm vụ liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản, phương án khai thác khoáng sản và bảo vệ khoáng sản chưa khai thác.

Trong khi đó, quy định về mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội không thay đổi trong thời gian dài. Từ 01/01/2013, mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản được thực hiện theo Quyết định số 44/2012/QĐ-UBND ngày 12/12/2012 của UBND Thành phố (Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 thay thế Quyết định số 44/2012/QĐ-UBND nhưng không thay đổi mức thu phí). Từ năm 2017 đến nay, thực hiện theo Nghị Quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 03/7/2017 và Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND, mức thu phí bảo vệ môi trường khai thác khoáng sản trên địa bàn Hà Nội đối với 8/8 loại khoáng sản không thay đổi và bằng mức thu tối đa theo khung của Nghị định số 164/2016/NĐ-CP. Các đơn vị thuộc đối tượng nộp phí đều chấp hành và không có kiến nghị về mức thu hiện hành.

Theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 3 Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc Hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội quy định cơ chế đặc thù về phí: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội có quyền quyết định áp dụng điều chỉnh mức hoặc tỷ lệ thu phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, trên địa bàn phù hợp với đặc điểm của thành phố Hà Nội.

Qua rà soát cho thấy, phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là khoản phí thuộc Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí đã được Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành quy định thu phí trên địa bàn thành phố Hà Nội, thuộc phạm vi điều chỉnh tại Nghị quyết số 115/2020/QH14. Do vậy, khoản phí này cần thiết phải được rà soát, nghiên cứu để điều chỉnh mức thu cho phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, phù hợp với tình hình khai thác khoáng sản hiện nay trên địa bàn thành phố Hà Nội và đáp ứng mục tiêu của Nghị quyết số 115/2020/QH14.

Từ những sự thay đổi về cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên, cho thấy mức thu của phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản hiện nay đã không còn phù hợp, cần thiết sửa đổi mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng điều chỉnh tăng mức thu phí hiện hành, theo cơ chế đặc thù tại Nghị quyết số 115/2020/QH14, để đáp ứng quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và phù hợp với yêu cầu về bảo vệ môi trường và vị thế của Thủ đô Hà Nội. Đồng thời việc tăng mức thu phí cũng tạo được nguồn thu ngân sách từ khoản thu phí để đầu tư cho hoạt động bảo vệ môi trường.

### **III. THỰC TRẠNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN VÀ THU PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHAI THÁC KHOÁNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ**

#### **1. Thực trạng khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội**

a. Trên địa bàn thành phố hiện nay đã cấp tổng số 43 giấy phép khai thác khoáng sản, trong đó 15 giấy phép còn hiệu lực (gồm: 03 giấy phép do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp và 12 giấy phép do UBND Thành phố cấp) và 28 giấy phép hết hiệu lực. Gồm các loại khoáng sản cụ thể như sau:

*Một là*, khoáng sản puzolan (hiện nay theo quy định của Luật Khoáng sản 2010 thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường): 01 giấy phép.

- Diện tích đã cấp phép khai thác: 18,9 ha; trữ lượng 1.600 ngàn m<sup>3</sup>.
- Diện tích chưa cấp phép theo quy hoạch: 5,42 ha; trữ lượng 1.739 ngàn m<sup>3</sup>.

*Hai là*, khoáng sản đá bazan: 07 giấy phép khai thác (trong đó có 02 giấy phép còn hạn và 05 đơn vị giấy phép hết hạn).

- Diện tích đã cấp phép khai thác: 118,64 ha; trữ lượng 25.542 ngàn m<sup>3</sup>.
- Diện tích chưa cấp phép theo quy hoạch: 362,34 ha; trữ lượng 394.424 ngàn m<sup>3</sup>.

*Ba là*, khoáng sản đá vôi: 05 giấy phép khai thác (01 giấy phép còn hiệu lực, 04 giấy phép đến nay đã hết hạn).

- Diện tích đã cấp phép khai thác: 42,97 ha; trữ lượng 8.963 ngàn m<sup>3</sup>.

- Diện tích chưa cấp phép theo quy hoạch: 37,49 ha; trữ lượng 3.749 ngàn m<sup>3</sup>.

*Bốn là*, khoáng sản than bùn: 01 giấy phép khai thác đến nay đã hết hạn.

- Diện tích đã cấp phép khai thác: 30 ha; trữ lượng 680 ngàn m<sup>3</sup>.

- Diện tích chưa cấp phép theo quy hoạch: 28,84 ha; trữ lượng 685 ngàn m<sup>3</sup>.

*Năm là*, khoáng sản cát xây dựng, san lấp: 21 giấy phép khai thác (trong đó 09 giấy phép còn hiệu lực, 12 giấy phép đã hết hạn);

- Diện tích đã cấp phép khai thác: 703,8 ha; trữ lượng 30.074,4 ngàn m<sup>3</sup>.

- Diện tích chưa cấp phép theo quy hoạch: 1.660 ha; trữ lượng 86.880 ngàn m<sup>3</sup>.

*Sáu là*, khoáng sản đất san lấp: 06 giấy phép khai thác đã hết hạn.

- Diện tích đã cấp phép khai thác: 38 ha.

*Bảy là*, khoáng sản nước khoáng (do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp): 01 giấy phép khai thác còn hiệu lực.

*Tám là*, khoáng sản đá sét (do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp): 01 giấy phép khai thác còn hiệu lực; diện tích đã cấp phép khai thác: 34,5 ha.

Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường thành lập đoàn liên ngành định kỳ kiểm tra việc chấp hành pháp luật về khoáng sản, đất đai, môi trường, tổng hợp báo cáo UBND Thành phố; đồng thời đôn đốc, yêu cầu các đơn vị hoàn thiện các thủ tục pháp lý trước khi tổ chức khai thác, yêu cầu không khai thác khi chưa hoàn thiện các thủ tục liên quan.

#### b. Công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác:

Ngày 21/3/2018, UBND thành phố có Quyết định số 1393/QĐ-UBND phê duyệt phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn Thành phố.

Căn cứ phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn Thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản đôn đốc UBND các quận, huyện, thị xã tổ chức triển khai thực hiện phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, chủ động lập kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch bảo vệ khoáng sản chưa khai thác đến UBND các xã, phường, thị trấn; các đơn vị, tổ chức có liên quan trong hoạt động khoáng sản; huy động và chỉ đạo phối hợp các lực lượng trên địa bàn để ngăn chặn, giải tỏa, xử lý vi phạm đối với hoạt động khoáng sản trái phép theo thẩm quyền, trong đó quy định rõ trách nhiệm người đứng đầu chính quyền các cấp, đặc biệt là cấp xã; chủ động xây dựng cơ chế phối hợp trong bảo vệ khoáng sản chưa khai thác với địa phương liên quan ở khu vực giáp ranh; kiểm tra, giám sát Ủy ban Nhân dân cấp dưới trong công tác quản lý nhà nước về khoáng sản.

## **2. Thực trạng việc thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn Thành phố**

Quy định thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội được triển khai thực hiện từ lâu. Sau khi thành phố Hà Nội được mở rộng, HĐND Thành phố đã ban hành Nghị quyết số 23/2008/NQ-HĐND ngày 12/12/2008, trong đó quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản. Căn cứ Nghị quyết của HĐND Thành phố, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 21/2009/QĐ-UBND ngày 09/01/2009 về việc thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội, áp dụng từ tháng 01/2009.

Từ tháng 01/2013, mức thu phí thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản được thực hiện theo Quyết định số 44/2012/QĐ-UBND ngày 12/12/2012 của UBND thành phố Hà Nội (ban hành căn cứ Nghị quyết số 22/2012/NQ-HĐND ngày 07/12/2012 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Nội khoá XIV kỳ họp thứ 6), trong đó có 6/8 loại khoáng sản đã có mức thu bằng mức thu tối đa theo khung của Nghị định số 164/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Từ tháng 9/2014, mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản được thực hiện theo Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 20/08/2014 Hà Nội (ban hành căn cứ Nghị quyết số 05/2014/NQ-HĐND ngày 09/7/2014 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XIV Kỳ họp thứ 10), mức thu không thay đổi so với Quyết định số 44/2012/QĐ-UBND ngày 12/12/2012.

Từ tháng 7/2017, mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn Thành phố được thực hiện theo Nghị Quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 03/7/2017, trong đó đã áp dụng mức thu phí tối đa cho 8/8 loại khoáng sản.

Ngày 07/7/2020, HĐND Thành phố ban hành Nghị Quyết số 06/2020/NQ-HĐND, theo đó áp dụng mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố không thay đổi so với Nghị Quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 03/7/2017.

Căn cứ quyết định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn Thành phố, các đơn vị khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội đã thực hiện tự kê khai và tự nộp phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp. Theo kết quả kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản định kỳ hàng năm của liên ngành Thành phố, các đơn vị khai thác khoáng sản đã kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường đầy đủ theo sản lượng khai thác.



Tổng hợp số thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội trong 03 năm gần đây như sau:

Năm 2019: 4,618 tỷ đồng

Năm 2020: 4,940 tỷ đồng

Năm 2021: 3,307 tỷ đồng

Trong quá trình triển khai thu phí bảo vệ môi trường khai thác khoáng sản, các doanh nghiệp khai thác khoáng sản thực hiện nghiêm túc, không có ý kiến phản ánh về mức thu phí được quy định tại các Nghị quyết của HĐND Thành phố đã ban hành.

**Bảng mức thu phí bảo vệ môi trường khai thác khoáng sản**

| STT | Tên loại Khoáng sản                                    | Đơn vị tính    | Mức thu theo QĐ số 44/2012/QĐ-UBND (đồng) | Mức thu theo Nghị quyết 02/2017/NQ-HĐND (đồng) | Mức thu theo Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND (đồng) | Khung mức thu theo Nghị định 164/2016/NĐ-CP |                       |
|-----|--------------------------------------------------------|----------------|-------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------|
|     |                                                        |                |                                           |                                                |                                                | Mức thu tối thiểu (đồng)                    | Mức thu tối đa (đồng) |
| 1   | Đá làm vật liệu xây dựng thông thường                  | m <sup>3</sup> | 3.000                                     | 5.000                                          | 5.000                                          | 1.000                                       | 5.000                 |
| 2   | Các loại đá khác (Đá vôi, đá sét làm xi măng, Pozolan) | Tấn            | 3.000                                     | 3.000                                          | 3.000                                          | 1.000                                       | 3.000                 |
| 3   | Các loại cát khác (cát đen san lấp, cát đen xây dựng)  | m <sup>3</sup> | 4.000                                     | 4.000                                          | 4.000                                          | 2.000                                       | 4.000                 |
| 4   | Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình          | m <sup>3</sup> | 2.000                                     | 2.000                                          | 2.000                                          | 1.000                                       | 2.000                 |
| 5   | Đất sét, đất làm gạch, ngói                            | m <sup>3</sup> | 2.000                                     | 2.000                                          | 2.000                                          | 1.500                                       | 2.000                 |
| 6   | Cao lanh                                               | m <sup>3</sup> | 7.000                                     | 7.000                                          | 7.000                                          | 5.000                                       | 7.000                 |
| 7   | Nước khoáng thiên nhiên                                | m <sup>3</sup> | 3.000                                     | 3.000                                          | 3.000                                          | 2.000                                       | 3.000                 |
| 8   | Than bùn                                               | Tấn            | 6.000                                     | 10.000                                         | 10.000                                         | 6.000                                       | 10.000                |

#### IV. ĐỀ XUẤT MỨC THU

##### 1. Căn cứ đề xuất mức thu

a. Căn cứ theo biến động tăng mức giá tính thuế tài nguyên khoáng sản:

Căn cứ biến động tăng mức giá tính thuế tài nguyên khoáng sản hiện nay (theo Quyết định số 9044/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 về việc phê duyệt giá tính thuế tài nguyên năm 2017) so với giá tính thuế tài nguyên khoáng sản tại

thời điểm ban hành Nghị Quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 03/7/2017 của HĐND Thành phố (theo Quyết định số 272//QĐ-UBND ngày 18/01/2016 về việc phê duyệt giá tính thuế tài nguyên năm 2016) thì giá tính thuế tài nguyên khoáng sản trong biến động tăng thêm: Đá xây dựng từ 50.000 đ/m<sup>3</sup> lên 88.000 đ/m<sup>3</sup>, tăng thêm 80%; Nhóm đá vôi, đá sét làm xi măng, Puzolan tăng thêm trung bình 130%; Cát đen san lấp tăng từ 15.000 đ/m<sup>3</sup> lên 56.000 đ/m<sup>3</sup>, tăng thêm 270%; Đất san lấp tăng từ 15.000 đ/m<sup>3</sup> lên 49.000 đ/m<sup>3</sup>, tăng thêm 140%.

Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là thành phần cấu thành giá tính thuế tài nguyên, do vậy, phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội cần phải tăng lên để phù hợp với biến động tăng của giá tính thuế tài nguyên.

b. Căn cứ biến động tăng của chỉ số tiêu dùng, mức lương cơ bản trên địa bàn thành phố:

Từ năm 2012 đến nay, chỉ số giá tiêu dùng tăng khoảng 40%; chỉ số giá tiêu dùng dự kiến từ năm 2022 đến năm 2025 tăng khoảng 10% ; mức lương cơ bản đã tăng khoảng 80%, do vậy phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội cần điều chỉnh tăng cho phù hợp.

c. Theo quy định tại điểm b, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về việc thực hiện cơ chế đặc thù về phí đối với thành phố Hà Nội về quản lý thu ngân sách nhà nước quy định: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội có quyết định áp dụng điều chỉnh mức hoặc tỷ lệ thu phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, trên địa bàn phù hợp với đặc điểm của thành phố Hà Nội.

Việc điều chỉnh mức thu phí tăng thêm cần phù hợp, mức tăng thêm không quá cao để khuyến khích các tổ chức, cá nhân tự giác và nghiêm túc thực hiện trách nhiệm về bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; đồng thời vẫn tạo môi trường sản xuất, kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp, đảm bảo việc tuân thủ theo đúng mục tiêu của Nghị quyết số 115/2020/QH14.

Mặt khác hiện nay, Chính phủ đã ban hành các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp gặp khó khăn do dịch bệnh Covid 19; đồng thời giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố đang có xu hướng tăng cao nên việc điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản tăng thêm cần được xem xét ở mức phù hợp, tránh gây tác động làm tiếp tục tăng giá vật liệu xây dựng làm ảnh hưởng đến các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn thành phố.

Tuy nhiên, đến nay tình hình dịch Covid trên địa bàn thành phố Hà Nội cơ bản đã được kiểm soát. Các doanh nghiệp khai thác khoáng sản đã hoạt động

bình thường trở lại, qua tham vấn hầu hết các doanh nghiệp đều thống nhất với mức điều chỉnh tăng phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản. Mặt khác, mức phí bảo vệ môi trường tăng thêm của khoáng sản vật liệu xây dựng chỉ chiếm khoảng 1% của giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố, do vậy mức tăng này tác động không đáng kể đến giá vật liệu xây dựng.

Theo đề xuất tại Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản (Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý), phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản của nhóm khoáng sản vật liệu xây dựng tăng khoảng 50%.

## **2. Đề xuất mức thu phí**

- Đối với nhóm 7/8 khoáng sản khai thác với quy mô nhỏ hoặc chưa khai thác:

Đá làm vật liệu xây dựng thông thường (02 giấy phép còn hiệu lực); Các loại đá khác (đá vôi 01 giấy phép, đá sét làm xi măng 01 giấy phép, puzolan 01 giấy phép); nước khoáng thiên nhiên (01 giấy phép còn hiệu lực); Các loại khoáng sản: Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình, đất sét, đất làm gạch, ngói, cao lanh, than bùn hiện nay trên địa bàn thành phố không có giấy phép khai thác còn hiệu lực. Dự kiến trong thời gian tới chưa có kế hoạch cấp phép khai thác khoáng sản mới đối với các loại khoáng sản này.

Với nhóm khoáng sản này, đề xuất mức thu phí bảo vệ môi trường tăng thêm 60% so với mức quy định tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 và mức tối đa quy định tại Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ: do chỉ số giá tiêu dùng dự kiến đến 2025 tăng khoảng 50% so với năm 2012 nên mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố đề xuất tăng thêm 50%; do đặc thù của thành phố Hà Nội theo quy định Nghị quyết số 115/2020/QH14 đề xuất tăng mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản thêm 10% (số thu tăng thêm từ khoản thu phí để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế- xã hội và chi hoạt động kinh tế, khoa học và công nghệ, giáo dục, y tế và phúc lợi xã hội).

- Đối với khoáng sản cát (Cát san lấp, cát xây dựng):

+ Đây là loại khoáng sản được khai thác chủ yếu ở thành phố Hà Nội, hiện nay có 09 giấy phép khai thác còn hiệu lực. Ngày 19/7/2018, UBND Thành phố có Quyết định số 3664/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đề án thăm dò đánh giá trữ lượng và chất lượng khoáng sản đối với 23 điểm mỏ cát trên các sông thuộc địa bàn thành phố Hà Nội, để tổ chức thực hiện đấu giá đưa vào khai thác từ năm 2023 đến 2025 theo 03 giai đoạn với tổng trữ lượng cát dự kiến đưa vào khai thác khoảng 60 triệu m<sup>3</sup>.

+ Do đặc thù khai thác cát có thể tác động đến dòng chảy, đề điều và công trình thủy lợi; việc tăng thêm mức thu phí bảo vệ môi trường đối với việc khai thác cát so với 07 loại khoáng sản còn lại trên địa bàn thành phố sẽ khuyến khích sử dụng vật liệu khác thay thế cát xây dựng, góp phần hạn chế khai thác, giảm vấn đề ô nhiễm môi trường và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, đề điều và công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố của các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác cát.

+ Đồng thời tham khảo mức tăng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản đề xuất tại Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản (Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý), phí bảo vệ môi trường tối đa đối với khai thác khoáng sản cát trong Dự thảo đã nâng lên 7.500 đ/m<sup>3</sup>.

Vì vậy, đề xuất cần tăng mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản cát tăng thêm 90% (7.600 đ/m<sup>3</sup>) so với mức quy định tại Nghị Quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020.

Cụ thể:

| STT | Tên loại Khoáng sản                                    | Đơn vị tính    | Mức thu theo Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND (đồng) | Khung mức thu theo Nghị định 164/2016/NĐ-CP |                       | Mức thu đề xuất mới trên địa bàn Hà Nội (đồng) | Tỷ lệ tăng thêm so với mức thu đang thực hiện |
|-----|--------------------------------------------------------|----------------|------------------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
|     |                                                        |                |                                                | Mức thu tối thiểu (đồng)                    | Mức thu tối đa (đồng) |                                                |                                               |
| 1   | Đá làm vật liệu xây dựng thông thường                  | m <sup>3</sup> | 5.000                                          | 1.000                                       | 5.000                 | 8.000                                          | 60%                                           |
| 2   | Các loại đá khác (Đá vôi, đá sét làm xi măng, Puzolan) | Tấn            | 3.000                                          | 1.000                                       | 3.000                 | 4.800                                          | 60%                                           |
| 3   | Các loại cát khác (Cát san lấp, cát xây dựng)          | m <sup>3</sup> | 4.000                                          | 2.000                                       | 4.000                 | 7.600                                          | 90%                                           |
| 4   | Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình          | m <sup>3</sup> | 2.000                                          | 1.000                                       | 2.000                 | 3.200                                          | 60%                                           |
| 5   | Đất sét, đất làm gạch, ngói                            | m <sup>3</sup> | 2.000                                          | 1.500                                       | 2.000                 | 3.200                                          | 60%                                           |
| 6   | Cao lanh                                               | m <sup>3</sup> | 7.000                                          | 5.000                                       | 7.000                 | 11.200                                         | 60%                                           |
| 7   | Nước khoáng thiên nhiên                                | m <sup>3</sup> | 3.000                                          | 2.000                                       | 3.000                 | 4.800                                          | 60%                                           |
| 8   | Than bùn                                               | Tấn            | 10.000                                         | 6.000                                       | 10.000                | 16.000                                         | 60%                                           |

*Đối với trường hợp khoáng sản không có trong danh mục nêu trên thì áp dụng mức thu tối đa theo Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).*

### **3. Dự kiến số thu phí năm 2022 và đến 2025**

Dự kiến số giấy phép khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố trong năm 2022 không thay đổi so với năm 2021 (do số lượng giấy phép khai thác khoáng sản cấp mới trong năm 2021 không có). Hiện nay, thực tế một số loại khoáng sản trên địa bàn thành phố không có hoạt động như than bùn, cao lanh, đất làm gạch, đất san lấp, xây dựng công trình.

Theo đề xuất mức phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản mới của 08 loại khoáng sản tăng lên 60% so với mức phí quy định tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 về ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Sở Tài nguyên và Môi trường dự kiến tổng số tiền thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn toàn thành phố năm 2022 theo mức thu phí mới là khoảng:  $3,307 \text{ tỷ} \times 160\% = 5,291 \text{ tỷ đồng}$ .

*Ngày 19/7/2018, UBND Thành phố có Quyết định số 3664/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đề án thăm dò đánh giá trữ lượng và chất lượng khoáng sản đối với 23 điểm mỏ cát trên các sông thuộc địa bàn thành phố Hà Nội, để tổ chức thực hiện đấu giá đưa vào khai thác từ năm 2023 đến 2025 theo 03 giai đoạn với tổng trữ lượng cát dự kiến đưa vào khai thác khoảng 60 triệu  $\text{m}^3$ , công suất khai thác dự kiến: Năm 2023 là 02 triệu  $\text{m}^3$ , năm 2024 là 04 triệu  $\text{m}^3$ , năm 2025 là 06 triệu  $\text{m}^3$ . Như vậy, dự kiến tổng số tiền thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn toàn thành phố từ năm 2023 đến 2025 tăng thêm so với năm 2022 khoảng:*

- Năm 2023:  $7.600 \text{ đ/m}^3 \times 2 \text{ triệu } \text{m}^3 = 15,2 \text{ tỷ đồng}$ .
- Năm 2024:  $7.600 \text{ đ/m}^3 \times 4 \text{ triệu } \text{m}^3 = 30,4 \text{ tỷ đồng}$ .
- Năm 2025:  $7.600 \text{ đ/m}^3 \times 6 \text{ triệu } \text{m}^3 = 45,6 \text{ tỷ đồng}$ .

### **4. Phương án thu, nộp, quản lý và sử dụng phí**

Tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố và Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

Việc nộp phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là trách nhiệm và nghĩa vụ của các doanh nghiệp khai thác khoáng sản nhằm tạo nguồn

thu hỗ trợ cho các hoạt động bảo vệ môi trường chung của Thành phố. Số phí thu được năm 2022 so với ngân sách chung của thành phố chi bảo vệ môi trường hiện chiếm tỷ lệ khoảng 0,22% tổng chi ngân sách cho chi bảo vệ môi trường (bình quân 03 năm gần đây là 2.389,56 tỷ đồng/năm), dự kiến đến 2025 tổng số tiền thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn toàn thành phố so với ngân sách chung của thành phố chi bảo vệ môi trường chiếm tỷ lệ khoảng 2,1% tổng chi ngân sách.

## **V. PHẠM VI ÁP DỤNG**

Trên địa bàn thành phố Hà Nội.

## **VI. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

- Các cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản; các cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến công tác quản lý, thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

- Các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn Hà Nội.

Báo cáo này đã tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp và ý kiến phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố Hà Nội *(theo phụ lục chi tiết kèm theo)*.

Trên đây là bản thuyết minh đề án đề xuất ban hành Nghị quyết sửa đổi mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội. Liên ngành: Cục thuế thành phố Hà Nội - Tài nguyên và Môi trường báo cáo UBND Thành phố xem xét và quyết định.

Trân trọng./.



Hà Nội, ngày      tháng      năm 2022

## **ĐỀ ÁN**

### **Sửa đổi mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội.**

*(Đã tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý của các cơ quan liên quan)*

Thực hiện chỉ đạo của UBND Thành phố tại các văn bản số 3720/UBND-KT ngày 26/10/2021, số 2500/VP-KT ngày 17/3/2022; số 1093/UBND-TH ngày 14/4/2022, số 1278/UBND-TH ngày 28/4/2022; số 4433/VP-KTTH ngày 16/5/2022 về việc triển khai triển khai xây dựng Đề án phí thực hiện theo Nghị quyết số 115/2020/QH14 và báo cáo HĐND Thành phố tại kỳ họp giữa năm 2022; trong đó giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Cục thuế Thành phố Hà Nội và các đơn vị có liên quan triển khai xây dựng các nội dung trình kỳ họp giữa năm 2022 của HĐND Thành phố đề xuất Đề án xây dựng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản thực hiện theo Nghị quyết số 115/2020/QH14 của Quốc hội.

Ngày 09/5/2022 thực hiện chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND Thành phố Hà Minh Hải tại Thông báo số 192/TB-VP, trong đó giao Sở Tài nguyên và Môi trường “*Tiếp tục chủ trì, chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát lại toàn bộ quy trình, nội dung triển khai xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố và thực hiện theo Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội đảm bảo đúng quy định của pháp luật*”.

Sau khi nghiên cứu, rà soát, Sở Tài nguyên môi trường xây dựng Đề án sửa đổi mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội, với các nội dung chính sau:

#### **I. Căn cứ pháp lý xây dựng Đề án.**

Căn cứ Luật Thủ đô ngày 21/11/2012;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc Hội về việc thực hiện cơ chế đặc thù về phí đối với thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XVII (nhiệm kỳ 2020-2025) Đảng bộ thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị Quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 7/7/2020 về ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn Thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Căn cứ Chương trình số 05-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội về “Đẩy mạnh công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, ứng phó biến đổi khí hậu trên địa bàn thành phố Hà Nội, giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Chỉ thị số 13-CT/TU ngày 02/3/2022 của Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội về việc tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo trong công tác quản lý đất đai và quản lý, khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội.

## **II. Sự cần thiết xây dựng đề án thu phí.**

Ngày 19/6/2020, Nghị quyết số 115/2020/QH14 của Quốc Hội về việc thực hiện cơ chế đặc thù về phí đối với thành phố Hà Nội. Tại Khoản 1 Điều 3 về Quản lý thu ngân sách nhà nước quy định: *“Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định áp dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội một số khoản thu phí phù hợp với đặc điểm của thành phố Hà Nội như sau:*

*b) Điều chỉnh mức hoặc tỷ lệ thu phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, trừ các loại phí thuộc nguồn thu của ngân sách trung ương hưởng 100%”.*

Thực hiện Chương trình số 05-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội về “Đẩy mạnh công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, ứng phó biến đổi khí hậu trên địa bàn thành phố Hà Nội, giai đoạn 2021 – 2025” trong đó nêu mục tiêu: “Quản lý và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên nước, khoáng



sản, tăng cường sự phối hợp của các ngành, các cấp trong công tác quản lý tài nguyên”. Ngày 16/7/2021, UBND Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 168/KH-UBND để triển khai Chương trình số 05-CTr/TU trong đó có nội dung hoàn thành các giải pháp, chỉ tiêu công tác quản lý sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Thực hiện chỉ đạo của UBND Thành phố tại Văn bản 2500/VP-KT ngày 17/3/2022 về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 210/KH-UBND ngày 05/11/2020 về việc thực hiện Nghị quyết số 115/2020/QH14, trên cơ sở kết quả rà soát các loại phí thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường, cho thấy Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là loại phí thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết số 115/2020/QH14, cần thiết phải được nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh mức thu theo cơ chế đặc thù tại Nghị quyết số 115/2020/QH14 theo hướng tăng mức thu phí.

Việc tăng mức thu phí bảo vệ môi trường khai thác khoáng sản phù hợp với đặc thù tiêu chí bảo vệ môi trường của Thủ đô và phải cao hơn mặt bằng chung của cả nước.

Từ năm 2017 đến nay, mức thu phí bảo vệ môi trường khai thác khoáng sản trên địa bàn Hà Nội (*thực hiện theo Nghị Quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 03/7/2017*) không thay đổi và bằng mức thu tối đa theo khung của Nghị định số 164/2016/NĐ-CP Chính phủ. Phí bảo vệ môi trường khai thác khoáng sản chiếm tỉ lệ nhất định trong giá tính thuế tài nguyên khoáng sản. Tuy nhiên, giá tính thuế tài nguyên khoáng sản thành phố hiện nay (*theo Quyết định số 9044/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 về việc phê duyệt giá tính thuế tài nguyên năm 2017*) đã tăng so với giá tính thuế tài nguyên khoáng sản tại thời điểm ban hành Nghị Quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 03/7/2017 của HĐND Thành phố (*theo Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 18/1/2016 về việc phê duyệt giá tính thuế tài nguyên năm 2016*). Việc tăng mức thu phí bảo vệ môi trường khai thác khoáng sản là phù hợp với mức tăng giá tính thuế tài nguyên khoáng sản trên địa bàn Hà Nội.

Căn cứ thực trạng nguồn tài nguyên khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội, cần đảm bảo việc khai thác các loại khoáng sản trên địa bàn có hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, khoáng sản. Việc khai thác khoáng sản trên địa bàn có khả năng gây tác động tiêu cực đến môi trường (Nhóm dự án theo tiêu chí nhóm I, nhóm II quy định tại khoản 4 Điều 28 Luật BVMT 2020) cần phải áp dụng mức thu cao để phòng ngừa, hạn chế, khắc phục suy thoái, ô nhiễm môi trường do hoạt động khai thác khoáng sản

gây ra, giữ gìn vệ sinh, bảo vệ và tái tạo cảnh quan môi trường và yêu cầu về bảo vệ đề điều, bảo vệ nông nghiệp tại nơi có hoạt động khai thác khoáng sản.

Từ thực tế nêu trên, việc xây dựng Đề án sửa đổi mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội là cần thiết.

### **III. Thực trạng khai thác khoáng sản và thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn Thành phố.**

**3.1. Quy hoạch khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội** được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 6572/QĐ-UBND ngày 9/12/2014 về việc phê duyệt Dự án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản thành phố Hà Nội đến năm 2020.

- Kết quả quy hoạch đã khoanh định 86 mỏ quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn, cụ thể:

+ Quy hoạch khai thác, sử dụng khoáng sản: 36 mỏ.

| TT               | Loại khoáng sản       | Số mỏ quy hoạch khai thác sử dụng | Tổng diện tích các mỏ (ha) | Trữ lượng cấp 122 (ngàn m <sup>3</sup> ) |
|------------------|-----------------------|-----------------------------------|----------------------------|------------------------------------------|
| 1                | Đá vôi VLXD           | 05                                | 42,97                      | 8.963,0                                  |
| 2                | Đá bazan              | 11                                | 233,01                     | 106.148,0                                |
| 3                | Cát xây dựng, san lấp | 16                                | 703,80                     | 30.074,4                                 |
| 4                | Sét gạch ngói         | 02                                | 49,92                      | 2.454,0                                  |
| 5                | Puzolan               | 01                                | 18,90                      | 1.600,0                                  |
| 6                | Than Bùn (ngàn tấn)   | 01                                | 30,00                      | 570,0                                    |
| <b>Tổng cộng</b> |                       | <b>36</b>                         |                            |                                          |

+ Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản 50 mỏ.

| TT | Loại khoáng sản | Số mỏ quy hoạch thăm dò, khai thác sử dụng | Tổng diện tích các mỏ (ha) | Tài nguyên dự báo cấp 333 + 334 (ngàn m <sup>3</sup> ) |
|----|-----------------|--------------------------------------------|----------------------------|--------------------------------------------------------|
| 1  | Đá vôi VLXD     | 04                                         | 37,49                      | 4.940,0                                                |
| 2  | Đá ong          | 02                                         | 30,30                      | 730,0                                                  |
| 3  | Đá bazan        | 07                                         | 247,93                     | 316.818,0                                              |

|                  |                       |           |          |          |
|------------------|-----------------------|-----------|----------|----------|
| 4                | Cát xây dựng, san lấp | 24        | 1.660,50 | 86.880,8 |
| 5                | Sét gạch ngói         | 11        | 267,73   | 13.075,0 |
| 6                | Puzolan               | 01        | 5,42     | 1.739,0  |
| 7                | Than Bùn (ngàn tấn)   | 01        | 28,84    | 795,0    |
| <b>Tổng cộng</b> |                       | <b>50</b> |          |          |

- Tổng hợp quy hoạch theo từng loại khoáng sản

+ Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường 09 mỏ, diện tích 80,46 ha, trữ lượng 13.903.000 m<sup>3</sup> phân bố chủ yếu địa bàn huyện Mỹ Đức, Ba Vì.

+ Đá bazan 18 mỏ, diện tích 480,94 ha, trữ lượng 422.966.000 m<sup>3</sup> phân bố chủ yếu trên địa bàn các huyện Quốc Oai, Thạch Thất và Ba Vì.

+ Cát xây dựng, san lấp 40 mỏ, diện tích 2363,8 ha, trữ lượng 116.954.000m<sup>3</sup> phân bố chủ yếu dọc theo sông Hồng, sông Đà, sông Đuống, sông Cà Lồ; sông Đáy thuộc địa bàn các quận huyện có địa giới hành chính của các con sông.

+Sét gạch ngói 13 mỏ, diện tích 317,65ha, trữ lượng 15.529.000m<sup>3</sup> nằm phân bố chủ yếu trên địa bàn các huyện: Mê Linh; Đông Anh; Mỹ Đức; Sóc Sơn; Ba Vì.

+ Puzolan 02 mỏ, diện tích 24,32ha, trữ lượng 3.339.000 m<sup>3</sup> nằm trên địa bàn thị xã Sơn Tây.

+ Than bùn 02 mỏ, diện tích 58,84ha, trữ lượng 1.365.000 tấn nằm trên địa bàn huyện Mỹ Đức.

+ Đá ong 02 mỏ, diện tích 30,3ha, trữ lượng 730.000m<sup>3</sup> phân bố chủ yếu địa bàn huyện Thạch Thất và Chương Mỹ.

### **3.2 Thực trạng khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội**

a. Trên địa bàn Thành phố hiện nay đã cấp tổng số 43 Giấy phép khai thác khoáng sản, trong đó 15 giấy phép còn hiệu lực (gồm: 03 Giấy phép do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp và 12 Giấy phép do UBND Thành phố cấp) và 28 giấy phép hết hiệu lực.

*Gồm các loại khoáng sản cụ thể như sau:*

Một là, Khoáng sản puzolan (hiện nay theo quy định của Luật khoáng sản 2010 thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường): 01 giấy phép

- Diện tích đã cấp phép khai thác: 18,9 ha; trữ lượng 1.600 ngàn m<sup>3</sup>
- Diện tích chưa cấp phép theo quy hoạch: 5,42ha; trữ lượng 1.739 ngàn m<sup>3</sup>

*Hai là*, Khoáng sản đá Bazan: 07 Giấy phép khai thác (trong đó có 02 giấy phép còn hạn và 05 đơn vị giấy phép hết hạn).

- Diện tích đã cấp phép khai thác: 118,64ha; trữ lượng 25.542 ngàn m<sup>3</sup>
- Diện tích chưa cấp phép theo QH: 362,34ha; trữ lượng 394.424 ngàn m<sup>3</sup>

*Ba là*, Khoáng sản Đá vôi: 05 Giấy phép khai thác (01 giấy phép còn hiệu lực, 04 giấy phép đến nay đã hết hạn).

- Diện tích đã cấp phép khai thác: 42,97ha; trữ lượng 8.963 ngàn m<sup>3</sup>
- Diện tích chưa cấp phép theo QH: 37,49 ha; trữ lượng 3.749 ngàn m<sup>3</sup>

*Bốn là*, Khoáng sản than bùn: 01 Giấy phép khai thác đến nay đã hết hạn.

- Diện tích đã cấp phép khai thác: 30ha; trữ lượng 680 ngàn m<sup>3</sup>
- Diện tích chưa cấp phép theo QH: 28,84ha; trữ lượng 685 ngàn m<sup>3</sup>

*Năm là*, Khoáng sản cát xây dựng, san lấp: 21 Giấy phép khai thác (trong đó 09 Giấy phép còn hiệu lực, 12 giấy phép đã hết hạn);

- Diện tích đã cấp phép khai thác: 703,8ha; trữ lượng 30.074,4 ngàn m<sup>3</sup>
- Diện tích chưa cấp phép theo QH: 1.660ha; trữ lượng 86.880 ngàn m<sup>3</sup>.

*Sáu là*, Khoáng sản đất san lấp: 06 Giấy phép khai thác đã hết hạn

- Diện tích đã cấp phép khai thác: 38ha

*Bảy là*, Khoáng sản Nước khoáng do Bộ TN&MT cấp): 01 Giấy phép khai thác còn hiệu lực.

*Tám là*, Khoáng sản Đá sét (do Bộ TN&MT cấp): 01 Giấy phép khai thác còn hiệu lực; Diện tích đã cấp phép khai thác: 34,5ha

Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường thành lập đoàn liên ngành định kỳ kiểm tra việc chấp hành pháp luật về Khoáng sản, Đất đai, Môi trường, tổng hợp báo cáo UBND Thành phố; Đồng thời đôn đốc, yêu cầu các đơn vị hoàn thiện các thủ tục pháp lý trước khi tổ chức khai thác, yêu cầu không khai thác khi chưa hoàn thiện các thủ tục liên quan.

#### b. Công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác.

Ngày 21/3/2018, UBND thành phố có Quyết định số 1393/QĐ-UBND phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn Thành phố.

Căn cứ Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn Thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản đôn đốc UBND các quận, huyện, thị xã tổ chức triển khai thực hiện Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, chủ động lập Kế

hoạch, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch bảo vệ khoáng sản chưa khai thác đến UBND các xã, phường, thị trấn; các đơn vị, tổ chức có liên quan trong hoạt động khoáng sản; huy động và chỉ đạo phối hợp các lực lượng trên địa bàn để ngăn chặn, giải tỏa, xử lý vi phạm đối với hoạt động khoáng sản trái phép theo thẩm quyền, trong đó quy định rõ trách nhiệm người đứng đầu chính quyền các cấp, đặc biệt là cấp xã; chủ động xây dựng cơ chế phối hợp trong bảo vệ khoáng sản chưa khai thác với địa phương liên quan ở khu vực giáp ranh; kiểm tra, giám sát Ủy ban Nhân dân cấp dưới trong công tác quản lý nhà nước về khoáng sản.

### **3.3. Thực trạng việc thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn Thành phố.**

Quy định thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội được triển khai thực hiện từ lâu. Sau khi thành phố Hà Nội được mở rộng, HĐND Thành phố đã ban hành Nghị quyết số 23/2008/NQ-HĐND ngày 12/12/2008, trong đó quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản. Căn cứ Nghị quyết của HĐND Thành phố, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 21/2009/QĐ-UBND ngày 09/01/2009 Về việc thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn Thành phố Hà Nội, áp dụng từ tháng 1/2009.

Từ tháng 01/2013, mức thu phí thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản được thực hiện theo Quyết định số 44/2012/QĐ-UBND ngày 12/12/2012 của UBND thành phố Hà Nội (ban hành căn cứ Nghị quyết số 22/2012/NQ-HĐND ngày 07/12/2012 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Nội Khóa XIV Kỳ họp thứ 6), trong đó có 6/8 loại khoáng sản đã có mức thu bằng mức thu tối đa theo khung của Nghị định số 164/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Từ tháng 9/2014, mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản được thực hiện theo Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 20/08/2014 Hà Nội (ban hành căn cứ Nghị quyết số 05/2014/NQ-HĐND ngày 09/7/2014 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Nội khóa XIV Kỳ họp thứ 10), mức thu không thay đổi so với Quyết định số 44/2012/QĐ-UBND ngày 12/12/2012.

Từ tháng 7/2017, mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn Thành phố được thực hiện theo Nghị Quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 03/7/2017, trong đó đã áp dụng mức thu phí tối đa cho 8/8 loại khoáng sản.

Ngày 07/7/2020, HĐND Thành phố ban hành Nghị Quyết số 06/2020/NQ-HĐND, theo đó áp dụng mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn Thành phố không thay đổi so với Nghị Quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 03/7/2017.

Căn cứ Quyết định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn Thành phố, các đơn vị khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội đã thực hiện tự kê khai và tự nộp phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp. Theo kết quả kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản định kỳ hàng năm của liên ngành Thành phố, các đơn vị khai thác khoáng sản đã kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường đầy đủ theo sản lượng khai thác.

Tổng hợp số thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn Hà Nội trong 03 năm gần đây như sau:

Năm 2019: 4,618 tỷ đồng

Năm 2020: 4,940 tỷ đồng

Năm 2021: 3,307 tỷ đồng

Trong quá trình triển khai thu phí bảo vệ môi trường khai thác khoáng sản, các doanh nghiệp khai thác khoáng sản thực hiện nghiêm túc, không có ý kiến phản ánh về mức thu phí được quy định tại các Nghị quyết của HĐND Thành phố đã ban hành.

**Bảng mức thu phí bảo vệ môi trường khai thác khoáng sản**

| STT | Tên loại<br>Khoáng sản                                       | Đơn vị<br>tính | Mức thu<br>theo QĐ số<br>44/2012/<br>QĐ-UBND<br>(đồng) | Mức thu<br>theo Nghị<br>quyết<br>02/2017/N<br>Q-HĐND<br>(đồng) | Mức thu<br>theo Nghị<br>quyết<br>06/2020/N<br>Q-HĐND<br>(đồng) | Khung mức thu theo<br>Nghị định<br>164/2016/NĐ-CP |                             |
|-----|--------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------|
|     |                                                              |                |                                                        |                                                                |                                                                | Mức thu<br>tối thiểu<br>(đồng)                    | Mức thu<br>tối đa<br>(đồng) |
| 1   | Đá làm vật liệu xây<br>dựng thông thường                     | m <sup>3</sup> | 3.000                                                  | 5.000                                                          | 5.000                                                          | 1.000                                             | 5.000                       |
| 2   | Các loại đá khác (Đá<br>vôi, đá sét làm xi<br>măng, Pozolan) | Tấn            | 3.000                                                  | 3.000                                                          | 3.000                                                          | 1.000                                             | 3.000                       |
| 3   | Các loại cát khác (cát<br>đen san lấp, cát đen<br>xây dựng)  | m <sup>3</sup> | 4.000                                                  | 4.000                                                          | 4.000                                                          | 2.000                                             | 4.000                       |
| 4   | Đất khai thác để san<br>lấp, xây dựng công<br>trình          | m <sup>3</sup> | 2.000                                                  | 2.000                                                          | 2.000                                                          | 1.000                                             | 2.000                       |
| 5   | Đất sét, đất làm gạch,<br>ngói                               | m <sup>3</sup> | 2.000                                                  | 2.000                                                          | 2.000                                                          | 1.500                                             | 2.000                       |
| 6   | Cao lanh                                                     | m <sup>3</sup> | 7.000                                                  | 7.000                                                          | 7.000                                                          | 5.000                                             | 7.000                       |
| 7   | Nước khoáng thiên<br>nhiên                                   | m <sup>3</sup> | 3.000                                                  | 3.000                                                          | 3.000                                                          | 2.000                                             | 3.000                       |
| 8   | Than bùn                                                     | Tấn            | 6.000                                                  | 10.000                                                         | 10.000                                                         | 6.000                                             | 10.000                      |

#### **IV. Đề xuất mức thu**

##### **4.1. Căn cứ đề xuất mức thu**

a. Căn cứ theo biến động tăng mức giá tính thuế tài nguyên khoáng sản.

Từ 01/01/2013, mức thu phí thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản được thực hiện theo Quyết định số 44/2012/QĐ-UBND ngày 12/12/2012, trong đó có 6/8 loại khoáng sản đã có mức thu bằng mức thu tối đa theo khung của Nghị định số 164/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Từ năm 2017 đến nay, mức thu phí bảo vệ môi trường khai thác khoáng sản trên địa bàn Hà Nội đối với 8/8 loại khoáng sản không thay đổi và bằng mức thu tối đa theo khung của Nghị định số 164/2016/NĐ-CP (thực hiện theo Nghị Quyết số

02/2017/NQ-HĐND ngày 03/7/2017). Các đơn vị thuộc đối tượng nộp phí đều chấp hành và không có kiến nghị về mức thu.

Chính vì vậy cần thiết nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh theo cơ chế đặc thù tại Nghị quyết số 115/2020/QH14 của Quốc Hội theo hướng tăng mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn Thành phố.

Căn cứ biến động tăng mức giá tính thuế tài nguyên khoáng sản hiện nay (theo Quyết định số 9044/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 về việc phê duyệt giá tính thuế tài nguyên năm 2017) so với giá tính thuế tài nguyên khoáng sản tại thời điểm ban hành Nghị Quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 03/7/2017 của HĐND Thành phố (theo Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 18/1/2016 về việc phê duyệt giá tính thuế tài nguyên năm 2016) thì giá tính thuế tài nguyên khoáng sản trong biến động tăng thêm: Đá xây dựng từ 50.000 đ/m<sup>3</sup> lên 88.000 đ/m<sup>3</sup>, tăng thêm 80%; Nhóm (đá vôi, đá sét làm xi măng, Puzolan) tăng thêm trung bình 130%; Cát đen san lấp tăng từ 15000 đ/m<sup>3</sup> lên 56.000 đ/m<sup>3</sup>, tăng thêm 270%; Đất san lấp tăng từ 15.000 đ/m<sup>3</sup> lên 49.000 đ/m<sup>3</sup>, tăng thêm 140%.

Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là thành phần cấu thành giá tính thuế tài nguyên, do vậy, phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội cần phải tăng lên để phù hợp với biến động tăng của giá tính thuế tài nguyên.

b. Căn cứ biến động tăng của chỉ số tiêu dùng, mức lương cơ bản trên địa bàn thành phố.

Từ năm 2012 đến nay, chỉ số giá tiêu dùng tăng khoảng 40%; chỉ số giá tiêu dùng dự kiến từ năm 2022 đến năm 2025 tăng khoảng 10% ; mức lương cơ bản đã tăng khoảng 80%, do vậy phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội cần điều chỉnh tăng cho phù hợp.

c. Theo quy định tại điểm b, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc Hội về việc thực hiện cơ chế đặc thù về phí đối với thành phố Hà Nội về Quản lý thu ngân sách nhà nước quy định: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội có quyết định áp dụng điều chỉnh mức hoặc tỷ lệ thu phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, trên địa bàn phù hợp với đặc điểm của thành phố Hà Nội.



Việc điều chỉnh mức thu phí tăng thêm cần phù hợp, mức tăng thêm không quá cao để khuyến khích các tổ chức, cá nhân tự giác và nghiêm túc thực hiện trách nhiệm về bảo vệ môi trường theo quy định của Luật BVMT; đồng thời vẫn tạo môi trường sản xuất, kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp, đảm bảo việc tuân thủ theo đúng mục tiêu của Nghị quyết số 115/2020/QH14.

Mặt khác hiện nay, Chính phủ đã ban hành các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp gặp khó khăn do dịch bệnh Covid 19; đồng thời giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố đang có xu hướng tăng cao nên việc điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản tăng thêm cần được xem xét ở mức phù hợp, tránh gây tác động làm tiếp tục tăng giá vật liệu xây dựng làm ảnh hưởng đến các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn thành phố. Tuy nhiên, đến nay tình hình dịch Covid trên địa bàn thành phố Hà Nội cơ bản đã được kiểm soát. Các doanh nghiệp khai thác khoáng sản đã hoạt động bình thường trở lại, qua tham vấn hầu hết các doanh nghiệp đều thống nhất với mức điều chỉnh tăng phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản. Mặt khác, mức phí bảo vệ môi trường tăng thêm của khoáng sản vật liệu xây dựng chỉ chiếm khoảng 1% của giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố, do vậy mức tăng này tác động không đáng kể đến giá vật liệu xây dựng.

Theo đề xuất tại Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản của Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý, phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản của nhóm khoáng sản vật liệu xây dựng tăng khoảng 50%.

#### **4.2. Đề xuất mức thu phí.**

- Đối với nhóm 7/8 khoáng sản khai thác với quy mô nhỏ hoặc chưa khai thác:

Đá làm vật liệu xây dựng thông thường (02 giấy phép còn hiệu lực); Các loại đá khác (Đá vôi 01 Giấy phép, đá sét làm xi măng 01 Giấy phép, Puzolan 01 Giấy phép); Nước khoáng thiên nhiên (01 giấy phép còn hiệu lực); Các loại khoáng sản: Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình, Đất sét, đất làm gạch, ngói, Cao lanh, Than bùn hiện nay trên địa bàn Thành phố không có Giấy phép khai thác còn hiệu lực. Dự kiến trong thời gian tới chưa có kế hoạch cấp phép khai thác khoáng sản mới đối với các loại khoáng sản này.

Với nhóm khoáng sản này, đề xuất mức thu phí bảo vệ môi trường tăng thêm 60% so với mức quy định tại Nghị Quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 và mức tối đa quy định tại Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ: do chỉ số giá tiêu dùng dự kiến đến 2025 tăng khoảng 50% so với năm 2012, do vậy mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành

phổ đề xuất tăng thêm 50% và do đặc thù của thành phố Hà Nội theo quy định Nghị quyết số 115/2020/QH14 đề xuất tăng mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản thêm 10% (số thu tăng thêm từ khoản thu phí để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế- xã hội và chi hoạt động kinh tế, khoa học và công nghệ, giáo dục, y tế và phúc lợi xã hội).

- Đối với khoáng sản cát (Cát san lấp, cát xây dựng):

+ Đây là loại khoáng sản được khai thác chủ yếu ở Thành phố Hà Nội, hiện nay có 09 Giấy phép khai thác còn hiệu lực. Ngày 19/7/2018, UBND Thành phố có Quyết định số 3664/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đề án thăm dò đánh giá trữ lượng và chất lượng khoáng sản đối với 23 điểm mỏ cát trên các sông thuộc địa bàn thành phố Hà Nội, để tổ chức thực hiện đấu giá đưa vào khai thác từ năm 2023 đến 2025 theo 03 giai đoạn với tổng trữ lượng cát dự kiến đưa vào khai thác khoảng 60 triệu m<sup>3</sup>.

+ Do đặc thù khai thác cát có thể tác động đến dòng chảy, đê điều và công trình thủy lợi; Tăng thêm mức thu phí bảo vệ môi trường đối với việc khai thác cát so với 07 loại khoáng sản còn lại trên địa bàn Thành phố, sẽ khuyến khích sử dụng vật liệu khác thay thế cát xây dựng, góp phần hạn chế khai thác, giảm vấn đề ô nhiễm môi trường và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, đê điều và công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố của các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác cát.

+ Đồng thời tham khảo mức tăng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản đề xuất tại Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản (Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý), phí bảo vệ môi trường tối đa đối với khai thác khoáng sản cát trong Dự thảo đã nâng lên 7.500 đ/m<sup>3</sup>.

Việc tăng thêm mức thu phí bảo vệ môi trường đối với việc khai thác khoáng sản cát san lấp, cát xây dựng cao hơn hẳn so với 07 loại khoáng sản còn lại trên địa bàn Thành phố sẽ khuyến khích sử dụng vật liệu khác thay thế cát xây dựng, góp phần hạn chế khai thác, giảm vấn đề ô nhiễm môi trường và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, đê điều và công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố của các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác cát.

Vì vậy, đề xuất cần tăng mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản cát tăng thêm 90% (7.600 đ/m<sup>3</sup>) so với mức quy định tại Nghị Quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020.

Cụ thể:

| STT | Tên loại Khoáng sản                                    | Đơn vị tính    | Mức thu theo Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND (đồng) | Khung mức thu theo Nghị định 164/2016/NĐ-CP |                       | Mức thu đề xuất mới trên địa bàn Hà Nội theo Nghị quyết số 115/2020/QH14 (đồng) | Tỷ lệ tăng thêm so với mức thu đang thực hiện |
|-----|--------------------------------------------------------|----------------|------------------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
|     |                                                        |                |                                                | Mức thu tối thiểu (đồng)                    | Mức thu tối đa (đồng) |                                                                                 |                                               |
| 1   | Đá làm vật liệu xây dựng thông thường                  | m <sup>3</sup> | 5.000                                          | 1.000                                       | 5.000                 | 8.000                                                                           | 60%                                           |
| 2   | Các loại đá khác (Đá vôi, đá sét làm xi măng, Puzolan) | Tấn            | 3.000                                          | 1.000                                       | 3.000                 | 4.800                                                                           | 60%                                           |
| 3   | Các loại cát khác (Cát san lấp, cát xây dựng)          | m <sup>3</sup> | 4.000                                          | 2.000                                       | 4.000                 | 7.600                                                                           | 90%                                           |
| 4   | Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình          | m <sup>3</sup> | 2.000                                          | 1.000                                       | 2.000                 | 3.200                                                                           | 60%                                           |
| 5   | Đất sét, đất làm gạch, ngói                            | m <sup>3</sup> | 2.000                                          | 1.500                                       | 2.000                 | 3.200                                                                           | 60%                                           |
| 6   | Cao lanh                                               | m <sup>3</sup> | 7.000                                          | 5.000                                       | 7.000                 | 11.200                                                                          | 60%                                           |
| 7   | Nước khoáng thiên nhiên                                | m3             | 3.000                                          | 2.000                                       | 3.000                 | 4.800                                                                           | 60%                                           |
| 8   | Than bùn                                               | Tấn            | 10.000                                         | 6.000                                       | 10.000                | 16.000                                                                          | 60%                                           |

*Đối với trường hợp khoáng sản không có trong danh mục nêu trên thì áp dụng mức thu tối đa theo Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).*

#### **4.3. Dự kiến số thu phí năm 2022 và đến 2025.**

Dự kiến số Giấy phép khai thác khoáng sản trên địa bàn Thành phố trong năm 2022 không thay đổi so với năm 2021 (do số lượng Giấy phép khai thác khoáng sản cấp mới trong năm 2021 không có). Hiện nay, thực tế một số loại khoáng sản trên địa bàn thành phố không có hoạt động như than bùn, cao lanh, đất làm gạch, đất san lấp, xây dựng công trình.

Theo đề xuất mức phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản mới của 08 loại khoáng sản tăng lên 60% so với mức phí quy định tại Nghị Quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 về ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên

địa bàn Thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Sở Tài nguyên và Môi trường dự kiến tổng số tiền thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn toàn thành phố năm 2022 theo mức thu phí mới là khoảng:  $3,307 \text{ tỷ} \times 160\% = 5,291 \text{ tỷ đồng}$ .

Ngày 19/7/2018, UBND Thành phố có Quyết định số 3664/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đề án thăm dò đánh giá trữ lượng và chất lượng khoáng sản đối với 23 điểm mỏ cát trên các sông thuộc địa bàn thành phố Hà Nội, để tổ chức thực hiện đấu giá đưa vào khai thác từ năm 2023 đến 2025 theo 03 giai đoạn với tổng trữ lượng cát dự kiến đưa vào khai thác khoảng 60 triệu  $\text{m}^3$ , công suất khai thác dự kiến: Năm 2023 là 02 triệu  $\text{m}^3$ , năm 2024 là 04 triệu  $\text{m}^3$ , năm 2025 là 06 triệu  $\text{m}^3$ . Như vậy, dự kiến tổng số tiền thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn toàn thành phố từ năm 2023 đến 2025 tăng thêm so với năm 2022 khoảng:

- Năm 2023:  $7.600 \text{ đ/m}^3 \times 2 \text{ triệu m}^3 = 15,2 \text{ tỷ đồng}$ .
- Năm 2024:  $7.600 \text{ đ/m}^3 \times 4 \text{ triệu m}^3 = 30,4 \text{ tỷ đồng}$ .
- Năm 2025:  $7.600 \text{ đ/m}^3 \times 6 \text{ triệu m}^3 = 45,6 \text{ tỷ đồng}$ .

#### **4.4. Phương án thu, nộp, quản lý và sử dụng phí**

Tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố và Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

Việc nộp phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là trách nhiệm và nghĩa vụ của các doanh nghiệp khai thác khoáng sản nhằm tạo nguồn thu hỗ trợ cho các hoạt động bảo vệ môi trường chung của Thành phố. Số phí thu được năm 2022 so với ngân sách chung của thành phố chi bảo vệ môi trường hiện chiếm tỷ lệ khoảng 0,22% tổng chi ngân sách cho chi bảo vệ môi trường (bình quân 03 năm gần đây là 2.389,56 tỷ đồng/năm), dự kiến đến 2025 tổng số tiền thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn toàn thành phố so với ngân sách chung của thành phố chi bảo vệ môi trường chiếm tỷ lệ khoảng 2,1% tổng chi ngân sách.

#### **V. Phạm vi áp dụng:**

Trên địa bàn thành phố Hà Nội.

#### **VI. Đối tượng áp dụng:**

- Các cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản; các cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến công tác quản lý, thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;
- Các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn Hà Nội.

#### **VII. Thời gian thực hiện thu phí.**

Thời gian thực hiện mức thu mới: Kể từ ngày Nghị quyết của HĐND Thành phố có hiệu lực.

Sở Tài nguyên và Môi trường kính báo cáo UBND Thành phố Đề án sửa đổi mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội.

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
LN: CỤC THUẾ - SỞ TNMT  
Số: 28439/TTrLN: CTHN-TNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 11 tháng năm 2022

## TỜ TRÌNH BỔ SUNG

**Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân Thành phố

Căn cứ quy trình xây dựng, ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020; văn bản số 1009/STP-VBPQ ngày 28/4/2022 của Sở Tư pháp hướng dẫn quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố.

Ngày 03/6/2022, Liên ngành các Sở: Tài nguyên và Môi trường - Cục thuế thành phố Hà Nội - Tài chính - Kho bạc Nhà nước thành phố Hà Nội đã có Tờ trình liên ngành số 3853/TTrLN: TNMT-CTHN-TC- KBNN trình Ủy ban nhân dân thành phố đề nghị ban hành Nghị quyết "về việc điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố Hà Nội thực hiện theo Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội."

Trên cơ sở ý kiến của các thành viên tham dự phiên họp Ủy ban nhân dân Thành phố thường kỳ tháng 6 năm 2022 (ngày 09/6/2022); ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại văn bản số 139/BC-STP ngày 9/6/2022; tiếp thu các ý kiến phản biện xã hội của Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội tại văn bản số 166/TB-MTTQ-BTT ngày 16/6/2022.

Liên ngành: Cục thuế thành phố Hà Nội – Sở Tài nguyên và Môi trường đã chỉnh sửa, hoàn thiện Hồ sơ đề nghị ban hành Nghị quyết, cụ thể như sau:

### **1. Đối với dự thảo Nghị quyết:**

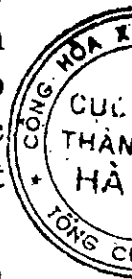
#### **1.1 Thể thức văn bản:**

Thực hiện sửa đổi tên gọi Nghị quyết như sau: "**Sửa đổi mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội**"

**Lý do:** Để phù hợp với quy định tại điều 12 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và khoản 5, điều 22 Luật Phí và lệ phí năm 2015.

#### **1.2 Về nội dung của dự thảo Nghị quyết:**

\* Về nội dung sửa đổi mức thu phí: đã tính lại mức thu phí đối với khoáng sản cát (Cát san lấp, cát xây dựng) tăng thêm 30%, giữ nguyên mức thu phí đối với 7/8 loại khoáng sản còn lại so với mức thu phí đã đề xuất tại Tờ trình liên ngành số 3853/TTrLN: TNMT-CTHN-TC- KBNN ngày 03/6/2022.



*Lý do:*

- Đối với nhóm 7/8 khoáng sản khai thác với quy mô nhỏ hoặc chưa khai thác, giữ nguyên mức thu đã đề xuất do:

+ Đá làm vật liệu xây dựng thông thường (02 giấy phép còn hiệu lực); Các loại đá khác (Đá vôi 01 Giấy phép, đá sét làm xi măng 01 Giấy phép, Puzolan 01 Giấy phép); Nước khoáng thiên nhiên (01 giấy phép còn hiệu lực).

+ Các loại khoáng sản: Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình, Đất sét, đất làm gạch, ngói, Cao lanh, Than bùn hiện nay trên địa bàn Thành phố không có Giấy phép khai thác còn hiệu lực.

+ Dự kiến trong thời gian đến năm 2025, chưa có kế hoạch cấp phép khai thác khoáng sản mới đối với các loại khoáng sản này.

- Đối với khoáng sản cát (Cát san lấp, cát xây dựng): Đây là loại khoáng sản được khai thác chủ yếu ở Thành phố Hà Nội.

+ Hiện nay có 09 Giấy phép khai thác còn hiệu lực. UBND Thành phố đã có kế hoạch tổ chức thực hiện đấu giá đưa vào khai thác từ năm 2023 đến 2025 với tổng trữ lượng cát san lấp, cát xây dựng dự kiến khoảng 60 triệu m<sup>3</sup>.

+ Do đặc thù khai thác cát lòng sông có thể tác động đến dòng chảy; tác động đến công trình đê điều và công trình thủy lợi; đồng thời phương án vận chuyển cát bằng đường bộ cũng gây áp lực cho công trình đường giao thông liên huyện, liên xã và đường dân sinh.

Việc tăng thêm mức thu phí bảo vệ môi trường đối với việc khai thác khoáng sản cát san lấp, cát xây dựng cao hơn hẳn so với 07 loại khoáng sản còn lại trên địa bàn Thành phố sẽ khuyến khích sử dụng vật liệu khác thay thế cát xây dựng, góp phần hạn chế khai thác, giảm vấn đề ô nhiễm môi trường và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, đê điều và công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố của các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác cát.

\*Về nội dung “Điều khoản thi hành”: đã tiếp thu, chỉnh sửa, bỏ quy định về thời hạn hiệu lực của Nghị quyết.

Hiệu lực thi hành của Nghị quyết, thực hiện theo quy định tại Điều 151 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 và Điều 38 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 15/4/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (hiệu lực thi hành được quy định tại Nghị quyết không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày ký ban hành).

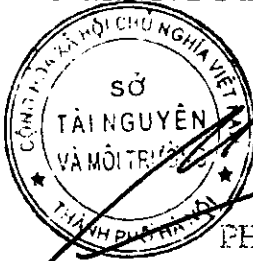
## **2. Đối với hồ sơ đề nghị ban hành Nghị quyết:**

Liên ngành đã hoàn thiện Hồ sơ đề nghị ban hành Nghị quyết “Sửa đổi mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội” (có Hồ sơ kèm theo).

Việc đề xuất xây dựng dự thảo Nghị quyết đã được thực hiện theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản khác có liên quan.

Liên ngành kính trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, có Tờ trình trình Hội đồng nhân dân Thành phố (đính kèm) để làm cơ sở gửi các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố thẩm tra trước khi báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp giữa năm 2022./.

**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**



PHÓ GIÁM ĐỐC  
*Mai Trọng Lôi*

**CỤC THUẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI**



*Mai Sơn*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- PCT TT UBNDTP Lê Hồng Sơn (để b/cáo);
- PCT UBNDTP Hà Minh Hải (để b/cáo);
- Các Sở: Tài chính, Tư Pháp; TNMT
- Kho bạc Nhà nước thành phố Hà Nội;
- Lưu: VT, CTHN. *9/6/2022*







**BÁO CÁO**  
**DANH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**  
**VỀ ĐỀ NGHỊ BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT SỬA ĐỔI MỨC THU PHÍ**  
**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**  
**TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

(Đã tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý của các cơ quan liên quan -  
Kèm theo Tờ trình Liên ngành số 28439/CTHN-HKDCN ngày 17/6/2022)

## **I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN**

### **1. Bối cảnh xây dựng Nghị quyết**

Tại kỳ họp Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XV kỳ họp thứ 15, Cục Thuế TP Hà Nội cùng các thành viên Bộ phận thường trực triển khai Luật Phí và lệ phí (BPTT) đã tham mưu UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố, ban hành quy định thu đối với 17 khoản Phí và 08 khoản Lệ phí, trong đó có quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản (khoản 4 phần B Danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND).

Thực hiện Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính – ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội được Quốc hội khóa XIV kỳ họp thứ 9 thông qua. Ngày 05/11/2020, UBND Thành phố ban hành Kế hoạch số 210/KH-UBND về việc triển khai Nghị quyết số 115/2020/QH14 về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính – ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội và có các văn bản số 2500/VP-KT ngày 17/3/2022; số 1093/UBND-TH ngày 14/4/2022, số 1278/UBND-TH ngày 28/4/2022; số 4433/VP-KTTH ngày 16/5/2022 về việc triển khai triển khai xây dựng Đề án phí thực hiện theo Nghị quyết số 115/2020/QH14 và báo cáo HĐND Thành phố tại kỳ họp giữa năm 2022.

Qua nghiên cứu, rà soát cho thấy, phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là khoản phí quy định tại điểm 1.3 Mục IX Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí. Căn cứ khoản 4, điều 4 Nghị định số 164/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 24/12/2016 quy định: “4. Căn cứ mức phí quy định tại Biểu khung mức phí ban hành kèm theo Nghị định này, Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) quyết định cụ thể mức thu phí bảo vệ môi trường đối với từng loại khoáng sản áp dụng tại địa phương cho phù hợp với tình hình thực tế trong từng thời kỳ.”, HĐND Thành phố đã ban hành quy định về thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội tại Nghị Quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 03/7/2017, được áp dụng đến nay theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố.

Do vậy, khoản phí này thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết số 115/2020/QH14, có thể được nghiên cứu để điều chỉnh mức thu theo cơ chế đặc thù của Nghị quyết; trên cơ sở đó đề nghị xây dựng Nghị quyết nhằm điều chỉnh mức thu đã được ban hành tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 cho phù hợp với yêu cầu về bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản theo Luật Bảo vệ môi trường, tình hình khai thác khoáng sản thực tế hiện nay trên địa bàn thành phố Hà Nội và triển khai thực hiện có hiệu quả mục tiêu của Nghị quyết số 115/2020/QH14.

## **2. Mục tiêu xây dựng Nghị quyết**

Để phù hợp với chính sách tài chính - ngân sách đặc thù của thành phố Hà Nội theo Nghị quyết số 115/2002/QH của Quốc hội, việc ban hành Nghị quyết sửa đổi mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội nhằm các mục tiêu sau:

- Mục tiêu tổng thể:

+ Đảm bảo nội dung chính sách thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản phù hợp với các quy định của Luật Phí và lệ phí, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Khoáng sản, Luật Bảo vệ môi trường và các luật liên quan; bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật;

+ Đảm bảo tính công bằng, hợp lý, rõ ràng và khả thi, phù hợp với tình hình thực tế;

+ Kế thừa các quy định hiện hành còn phù hợp; khắc phục các tồn tại;

+ Đảm bảo quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản gắn với khuyến khích thu hút đầu tư, công nghệ kỹ thuật khai thác khoáng sản hiện đại, hiệu quả và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

- Mục tiêu cụ thể: Điều chỉnh tăng mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản theo quy định Nghị quyết số 115/2020/QH14 sử dụng số thu tăng thêm từ khoản thu phí để tăng cường công tác bảo vệ môi trường, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và chi hoạt động kinh tế, khoa học và công nghệ, giáo dục, y tế và phúc lợi xã hội trên địa bàn thành phố.

## **II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

### **1. Xác định vấn đề bất cập**

Hiện nay mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội đang được quy định tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố, cụ thể:

| STT | Loại khoáng sản                                           | Đơn vị tính    | Mức thu theo QĐ số 64/2014/QĐ-UBND (đồng) | Mức thu theo Nghị quyết 02/2017/NQ-HĐND (đồng) | Mức thu theo Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND (đồng) | Khung mức thu theo Nghị định 164/2016/NĐ-CP |                       |
|-----|-----------------------------------------------------------|----------------|-------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------|
|     |                                                           |                |                                           |                                                |                                                | Mức thu tối thiểu (đồng)                    | Mức thu tối đa (đồng) |
| 1   | Đá làm vật liệu xây dựng thông thường                     | m <sup>3</sup> | 3.000                                     | 5.000                                          | 5.000                                          | 1.000                                       | 5.000                 |
| 2   | Các loại đá khác (Đá vôi, đá sét làm xi măng, Puzolan...) | Tấn            | 3.000                                     | 3.000                                          | 3.000                                          | 1.000                                       | 3.000                 |
| 3   | Cát san lấp, cát xây dựng                                 | m <sup>3</sup> | 4.000                                     | 4.000                                          | 4.000                                          | 2.000                                       | 4.000                 |
| 4   | Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình             | m <sup>3</sup> | 2.000                                     | 2.000                                          | 2.000                                          | 1.000                                       | 2.000                 |
| 5   | Đất sét làm gạch, ngói                                    | m <sup>3</sup> | 2.000                                     | 2.000                                          | 2.000                                          | 1.500                                       | 2.000                 |
| 6   | Cao lanh                                                  | m <sup>3</sup> | 7.000                                     | 7.000                                          | 7.000                                          | 5.000                                       | 7.000                 |
| 7   | Nước khoáng thiên nhiên                                   | m <sup>3</sup> | 3.000                                     | 3.000                                          | 3.000                                          | 2.000                                       | 3.000                 |
| 8   | Than bùn                                                  | Tấn            | 6.000                                     | 10.000                                         | 10.000                                         | 6.000                                       | 10.000                |

Ngày 19/6/2020, Nghị quyết số 115/2020/QH14 về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính – ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội được Quốc hội khóa XIV kỳ họp thứ 9 thông qua; tại điểm b khoản 1 Điều 3 quy định: “Điều chỉnh mức hoặc tỷ lệ thu phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí, trừ các loại phí thuộc nguồn thu ngân sách trung ương hưởng 100%”. Để triển khai thực hiện Nghị quyết, một số khoản phí đang thực hiện thu trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc đối tượng áp dụng theo cơ chế tài chính đặc thù, cần thiết phải được rà soát, đề xuất điều chỉnh mức thu để tạo nguồn thu phục vụ cho các nhiệm vụ chi của ngân sách Thành phố theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 115/2020/QH14. Trong các khoản phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND cấp tỉnh, phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là loại phí thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết số 115/2020/QH14, cần thiết phải được nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh mức thu theo cơ chế đặc thù theo hướng tăng mức thu phí. Việc tăng mức thu phí bảo vệ môi trường khai thác khoáng sản cần phù hợp với đặc thù tiêu chí bảo vệ môi trường của Thủ đô và phải cao hơn mặt bằng chung của cả nước.

Từ năm 2017 đến nay, mức thu phí bảo vệ môi trường khai thác khoáng sản trên địa bàn Hà Nội (thực hiện theo Nghị Quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 03/7/2017) không thay đổi và bằng mức thu tối đa theo khung của Nghị định số 164/2016/NĐ-CP Chính phủ. Phí bảo vệ môi trường khai thác khoáng sản chiếm tỉ lệ nhất định trong giá tính thuế tài nguyên khoáng sản, tuy nhiên, giá tính thuế tài nguyên khoáng sản thành phố hiện nay theo Quyết định số 9044/QĐ-UBND

ngày 29/12/2017 đã tăng so với giá tính thuế tài nguyên khoáng sản tại thời điểm ban hành Nghị Quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 03/7/2017 của HĐND Thành phố theo Quyết định số 272//QĐ-UBND ngày 18/1/2016 (giá tính thuế tài nguyên khoáng sản trong biến động tăng thêm: Đá xây dựng từ 50.000 đ/m<sup>3</sup> lên 88.000 đ/m<sup>3</sup>, tăng thêm 80%; Nhóm đá vôi, đá sét làm xi măng, puzolan tăng thêm trung bình 130%; Cát đen san lấp tăng từ 15.000 đ/m<sup>3</sup> lên 56.000 đ/m<sup>3</sup>, tăng thêm 270%; Đất san lấp tăng từ 15.000 đ/m<sup>3</sup> lên 49.000 đ/m<sup>3</sup>, tăng thêm 140%).

Đồng thời, từ năm 2012 đến nay, theo số liệu thống kê chỉ số giá tiêu dùng tăng khoảng 40%; chỉ số giá tiêu dùng dự kiến đến 2025 tăng khoảng 10% so với hiện nay; mức lương cơ bản đã tăng khoảng 80%.

Việc khai thác khoáng sản trên địa bàn có khả năng gây tác động tiêu cực đến môi trường (thuộc Nhóm dự án theo tiêu chí nhóm I, nhóm II quy định tại khoản 4 Điều 28 Luật BVMT 2020) cần phải áp dụng mức thu cao để phòng ngừa, hạn chế, khắc phục suy thoái, ô nhiễm môi trường do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra, giữ gìn vệ sinh, bảo vệ và tái tạo cảnh quan môi trường và yêu cầu về bảo vệ đề điều, bảo vệ nông nghiệp tại nơi có hoạt động khai thác khoáng sản.

Tại Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông và tại Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 29/9/2020, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Tài chính rà soát tổng thể chính sách tài chính về khoáng sản (gồm chính sách phí) đề xuất điều chỉnh chính sách tài chính phù hợp với thực tế, khuyến khích sử dụng vật liệu khác thay thế cát, sỏi lòng sông.

Trong khi đó, mức phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn Thành phố chưa được điều chỉnh tăng mức phí, vẫn còn ở mức thấp, chưa đảm bảo việc khai thác hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên các loại khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội và góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường trong công tác khai thác khoáng sản.

## **2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

- Điều chỉnh tăng mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản theo quy định Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội để sử dụng số thu tăng thêm từ khoản thu phí để tăng cường công tác bảo vệ môi trường, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế- xã hội và chi hoạt động kinh tế, khoa học và công nghệ, giáo dục, y tế và phúc lợi xã hội trên địa bàn thành phố.

- Việc điều chỉnh mức thu phí tăng thêm cần phù hợp, mức tăng thêm không quá cao để vẫn khuyến khích các tổ chức, cá nhân tự giác và nghiêm túc thực hiện trách nhiệm về bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; đồng thời vẫn tạo môi trường sản xuất, kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp, đảm bảo theo đúng mục tiêu của Nghị quyết số 115/2020/QH14.

### 3. Các đề xuất để giải quyết vấn đề

Phương án 1: Giữ nguyên mức thu phí như quy định hiện hành.

Phương án 2: Điều chỉnh tăng khung mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn Thành phố.

- Đối với nhóm 7/8 khoáng sản khai thác với quy mô nhỏ hoặc chưa khai thác:

Đá làm vật liệu xây dựng thông thường (02 giấy phép còn hiệu lực); Các loại đá khác (Đá vôi 01 giấy phép, đá sét làm xi măng 01 giấy phép, Puzolan 01 giấy phép); Nước khoáng thiên nhiên (01 giấy phép còn hiệu lực); Các loại khoáng sản: Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình, đất sét, đất làm gạch, ngói, cao lanh, than bùn hiện nay trên địa bàn Thành phố không có giấy phép khai thác còn hiệu lực. Dự kiến trong thời gian tới chưa có kế hoạch cấp phép khai thác khoáng sản mới đối với các loại khoáng sản này.

Với nhóm khoáng sản này, đề xuất mức thu phí bảo vệ môi trường tăng thêm 60% so với mức quy định tại Nghị Quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 và mức tối đa quy định tại Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ: do chỉ số giá tiêu dùng dự kiến đến 2025 tăng khoảng 50% so với năm 2012, do vậy mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố đề xuất tăng thêm 50% và do đặc thù của thành phố Hà Nội theo quy định Nghị quyết số 115/2020/QH14 đề xuất tăng mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản thêm 10% (số thu tăng thêm từ khoản thu phí để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế- xã hội và chi hoạt động kinh tế, khoa học và công nghệ, giáo dục, y tế và phúc lợi xã hội).

- Đối với khoáng sản cát (Cát san lấp, cát xây dựng):

+ Đây là loại khoáng sản được khai thác chủ yếu ở thành phố Hà Nội, hiện nay có 09 giấy phép khai thác còn hiệu lực. Ngày 19/7/2018, UBND Thành phố có Quyết định số 3664/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đề án thăm dò đánh giá trữ lượng và chất lượng khoáng sản đối với 23 điểm mỏ cát trên các sông thuộc địa bàn thành phố Hà Nội, để tổ chức thực hiện đấu giá đưa vào khai thác từ năm 2023 đến 2025 theo 03 giai đoạn với tổng trữ lượng cát dự kiến đưa vào khai thác khoảng 60 triệu m<sup>3</sup>.

+ Do đặc thù khai thác cát có thể tác động đến dòng chảy, đê điều và công trình thủy lợi; việc tăng thêm mức thu phí bảo vệ môi trường đối với việc khai thác cát so với 07 loại khoáng sản còn lại trên địa bàn Thành phố, sẽ khuyến khích sử dụng vật liệu khác thay thế cát xây dựng, góp phần hạn chế khai thác, giảm vấn đề ô nhiễm môi trường và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, đê điều và công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố của các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác cát.

+ Đồng thời tham khảo mức tăng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản đề xuất tại Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản (Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý lần cuối), phí bảo vệ

môi trường tối đa đối với khai thác khoáng sản cát trong Dự thảo đã nâng lên 7.500 đ/m<sup>3</sup>.

Vì vậy, đề xuất cần tăng mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản cát tăng thêm 90% (lên mức 7.600 đ/m<sup>3</sup>) so với mức quy định tại Nghị Quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020.

Cụ thể:

| STT | Loại khoáng sản                                        | Đơn vị tính    | Mức thu theo Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND (đồng) | Khung mức thu theo Nghị định 164/2016/NĐ-CP |                       | Mức thu đề xuất mới trên địa bàn Hà Nội theo Nghị quyết số 115/2020/QH14 (đồng) |
|-----|--------------------------------------------------------|----------------|------------------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                        |                |                                                | Mức thu tối thiểu (đồng)                    | Mức thu tối đa (đồng) |                                                                                 |
| 1   | Đá làm vật liệu xây dựng thông thường                  | m <sup>3</sup> | 5.000                                          | 1.000                                       | 5.000                 | 8.000                                                                           |
| 2   | Các loại đá khác (Đá vôi, đá sét làm xi măng, Pozolan) | Tấn            | 3.000                                          | 1.000                                       | 3.000                 | 4.800                                                                           |
| 3   | Các loại cát khác (Cát san lấp, cát xây dựng,...)      | m <sup>3</sup> | 4.000                                          | 2.000                                       | 4.000                 | 7.600                                                                           |
| 4   | Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình          | m <sup>3</sup> | 2.000                                          | 1.000                                       | 2.000                 | 3.200                                                                           |
| 5   | Đất sét, đất làm gạch, ngói                            | m <sup>3</sup> | 2.000                                          | 1.500                                       | 2.000                 | 3.200                                                                           |
| 6   | Cao lanh                                               | m <sup>3</sup> | 7.000                                          | 5.000                                       | 7.000                 | 11.200                                                                          |
| 7   | Nước khoáng thiên nhiên                                | m <sup>3</sup> | 3.000                                          | 2.000                                       | 3.000                 | 4.800                                                                           |
| 8   | Than bùn                                               | Tấn            | 10.000                                         | 6.000                                       | 10.000                | 16.000                                                                          |

#### 4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của Nghị quyết và các đối tượng khác có liên quan

##### Phương án 1

- Tác động tích cực: Không làm thay đổi mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố; doanh nghiệp sẽ ổn định sản xuất; giá vật liệu xây dựng ổn định không ảnh hưởng đến các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn thành phố.

- Tác động tiêu cực

+ Chưa góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường các tổ chức, cá nhân là chủ dự án đầu tư, cơ sở khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố.

+ Chưa thực hiện quy định của Nghị quyết số 115/2020/QH14 về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính – ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội được Quốc hội khóa XIV nhằm thu tăng thêm từ khoản thu phí để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế- xã hội và chi hoạt động kinh tế, khoa học và công nghệ, giáo dục, y tế và phúc lợi xã hội, hoạt động bảo vệ môi trường của thành phố Hà Nội.

### **Phương án 2**

#### **\* Tác động tích cực**

- Đối với bảo vệ tài nguyên khoáng sản, môi trường

Tăng mức thu phí bảo vệ môi trường đối với việc khai thác các khoáng sản sẽ khuyến khích sử dụng vật liệu khác thay thế các loại khoáng sản, góp phần hạn chế khai thác, giảm vấn đề ô nhiễm môi trường và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản.

Theo quy định, đối tượng nộp phí là các tổ chức, cá nhân là chủ dự án đầu tư, cơ sở khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố. Do đó đối tượng chịu tác động của Nghị quyết là các tổ chức doanh nghiệp có hoạt động khai thác khoáng sản tại Hà Nội; đồng thời là chủ nguồn thải có hoạt động xả thải có tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường từ quá trình khai thác khoáng sản.

Điều 67 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định:

*“1. Tổ chức, cá nhân tiến hành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản phải có phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ, cải tạo và phục hồi môi trường sau đây:*

- a) Thu gom, xử lý nước thải theo quy định;*
- b) Thu gom, xử lý chất thải rắn theo quy định về quản lý chất thải rắn;*
- c) Có biện pháp ngăn ngừa, hạn chế việc phát tán bụi, xả khí thải và tác động xấu khác đến môi trường xung quanh;*
- d) Có phương án cải tạo, phục hồi môi trường và tiến hành cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định của Luật này và quy định của pháp luật về khoáng sản;*
- đ) Ký quỹ bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 137 của Luật này.*

4. Khoáng sản có tính chất độc hại phải được lưu giữ, vận chuyển bằng phương tiện, thiết bị chuyên dụng, được che chắn bảo đảm không rò rỉ, phát tán ra môi trường.

5. Việc sử dụng máy móc, thiết bị có tác động xấu đến môi trường, hóa chất độc hại trong thăm dò, khai thác, đóng cửa mỏ, chế biến khoáng sản phải được đánh giá tác động môi trường, khai báo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

6. Việc thăm dò, khai thác, vận chuyển, chế biến khoáng sản khác có chất phóng xạ, chất độc hại, chất nổ phải thực hiện theo quy định của Luật này, quy định của pháp luật về an toàn hóa chất, năng lượng nguyên tử và quy định khác của pháp luật có liên quan.”

Khoản 1 Điều 8 Nghị định 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 quy định:

“1. Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, không kể dầu thô và khí thiên nhiên, khí than là khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100% để hỗ trợ cho công tác bảo vệ và đầu tư cho môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản theo Luật bảo vệ môi trường và Luật ngân sách nhà nước, theo các nội dung cụ thể sau đây:

a) Phòng ngừa và hạn chế các tác động xấu đối với môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản;

b) Khắc phục suy thoái, ô nhiễm môi trường do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra;

c) Giữ gìn vệ sinh, bảo vệ và tái tạo cảnh quan môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản.

d) Nơi có hoạt động khai thác khoáng sản quy định tại khoản này là nơi thực tế diễn ra hoạt động khai thác khoáng sản và các khu vực bị ảnh hưởng do hoạt động khai thác khoáng sản theo địa bàn quản lý của cấp xã và cấp huyện.”

Do vậy, việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản là yêu cầu bắt buộc, việc tăng mức nộp phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là trách nhiệm và nghĩa vụ của các doanh nghiệp khai thác khoáng sản nhằm tạo nguồn thu hỗ trợ cho các hoạt động bảo vệ môi trường chung của Thành phố. Với mức thu hiện nay chưa tương xứng sẽ gây khó khăn cho các hoạt động bảo vệ môi trường chung của Thành phố, việc tăng mức sẽ phù hợp với vị thế và yêu cầu về bảo vệ môi trường của Thủ đô.

- Đối với ngân sách

Việc điều chỉnh tăng mức thu phí phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản vừa là để nâng cao ý thức trách nhiệm của các doanh nghiệp, vừa là để tạo nguồn thu ngân sách Thành phố cho các hoạt động chi liên quan đến hoạt động bảo vệ môi trường và hoạt động đầu tư theo tinh thần của Nghị quyết số 115/2020/QH14.

Dự kiến số giấy phép khai thác khoáng sản trên địa bàn Thành phố trong năm 2022 không thay đổi so với năm 2021 (do số lượng giấy phép khai thác khoáng sản cấp mới trong năm 2021 không có). Hiện nay, thực tế một số loại khoáng sản trên địa bàn thành phố không có hoạt động như than bùn, cao lanh, đất làm gạch, đất san lấp, xây dựng công trình.

Theo đề xuất mức phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản mới theo Nghị quyết số 115/2020/QH14 của 7/8 loại khoáng sản tăng thêm 60% và của khoáng sản cát tăng thêm 90% so với mức phí quy định tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 về ban hành một số quy định thu phí, lệ phí



trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Sở Tài nguyên và Môi trường dự kiến tổng số tiền thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn toàn thành phố năm 2022 theo mức thu phí mới là:  $3,307 \text{ tỷ} \times 160\% = 5,291 \text{ tỷ đồng}$ .

*Ngày 19/7/2018, UBND Thành phố có Quyết định số 3664/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đề án thăm dò đánh giá trữ lượng và chất lượng khoáng sản đối với 23 điểm mỏ cát trên các sông thuộc địa bàn thành phố Hà Nội, để tổ chức thực hiện đấu giá đưa vào khai thác từ năm 2023 đến 2025 theo 03 giai đoạn với tổng trữ lượng cát dự kiến đưa vào khai thác khoảng 60 triệu  $\text{m}^3$ , công suất khai thác dự kiến: năm 2023 là 02 triệu  $\text{m}^3$ , năm 2024 là 04 triệu  $\text{m}^3$ , năm 2025 là 06 triệu  $\text{m}^3$ . Như vậy, dự kiến tổng số tiền thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn toàn thành phố từ năm 2023 đến 2025 tăng thêm so với năm 2022 khoảng:*

- Năm 2023:  $7.600 \text{ đ/m}^3 \times 2 \text{ triệu } \text{m}^3 = 15,2 \text{ tỷ đồng}$ .

- Năm 2024:  $7.600 \text{ đ/m}^3 \times 4 \text{ triệu } \text{m}^3 = 30,4 \text{ tỷ đồng}$ .

- Năm 2025:  $7.600 \text{ đ/m}^3 \times 6 \text{ triệu } \text{m}^3 = 45,6 \text{ tỷ đồng}$ .

Số phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản thu được năm 2022 so với ngân sách chung của Thành phố chỉ cho hoạt động bảo vệ môi trường chiếm tỷ lệ khoảng 0,22% (bình quân tổng chi ngân sách chỉ cho hoạt động bảo vệ môi trường 03 năm gần đây là khoảng 2.389 tỷ đồng/năm), dự kiến đến 2025 tổng số tiền thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố so với ngân sách chung của Thành phố chỉ cho hoạt động bảo vệ môi trường chiếm tỷ lệ khoảng 2,1% tổng chi ngân sách.

#### **\* Tác động tiêu cực:**

Quy định tăng thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố về cơ bản có thể sẽ làm tăng giá bán vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn Thành phố làm ảnh hưởng đến giá thành xây dựng của các dự án đầu tư.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thu phí bảo vệ môi trường khai thác khoáng sản từ 2012 đến nay, các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố đã thực hiện nghiêm túc, không có ý kiến phản ánh về mức thu phí được quy định tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố đã ban hành. Bên cạnh đó, việc điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản tăng thêm theo quy định của Nghị quyết số 115/2020/QH14 đã được xem xét ở mức phù hợp, không quá cao để khuyến khích các tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm túc trách nhiệm về bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, đồng thời nhằm hạn chế biến động tăng giá vật liệu xây dựng làm ảnh hưởng đến các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn thành phố.

### **5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:**

Kết quả tham vấn về đề xuất tăng thêm mức phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản mới theo Nghị quyết số 115/2020/QH14 so với mức phí quy định tại Nghị Quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020, hầu hết các đơn vị hoạt động khai thác khoáng trên địa bàn thành phố được tham vấn đều đồng ý với mức tăng thêm.

Theo đánh giá mức điều chỉnh tăng thêm phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản không gây ảnh hưởng lớn đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp là các chủ dự án đầu tư, cơ sở khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội. Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các phương án và ý kiến của các đơn vị hoạt động khai thác khoáng trên địa bàn thành phố, liên ngành kiến nghị lựa chọn phương án 2.

BPTT thẩm định và thống nhất báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết “Sửa đổi mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội” tại kỳ họp HĐND Thành phố giữa năm 2022 để áp dụng thống nhất trên toàn thành phố Hà Nội.

### **III. Ý KIẾN THAM VẤN:**

Căn cứ kết quả rà soát tình hình thực hiện và quản lý các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố trên địa bàn thành phố Hà Nội; căn cứ Đề án, báo cáo của các Sở, ngành, đơn vị thu; với vai trò Tổ trưởng BPTT, Cục Thuế TP Hà Nội đã dự thảo hồ sơ đề nghị ban hành Nghị quyết và dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố về việc “Sửa đổi mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội” thực hiện việc điều chỉnh tăng mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản và tổ chức lấy ý kiến về các dự thảo báo cáo. Cụ thể như sau:

- Tổ chức lấy ý kiến của các thành viên BPTT bằng văn bản và nhận được ý kiến phản hồi của các thành viên BPTT: Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Kho bạc Nhà nước TP Hà Nội; đã tiếp thu và chỉnh sửa các dự thảo văn bản.

- Đăng tải công khai hồ sơ đề nghị ban hành Nghị quyết để ý kiến đóng góp của nhân dân trên Cổng thông tin điện tử thành phố Hà Nội.

- Dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết được đăng tải trên Website của Sở Tài nguyên và Môi trường tại địa chỉ: <http://sotnmt.hanoi.gov.vn>.

- Xin ý kiến Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt nam thành phố Hà Nội về dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố.

- Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức lấy ý kiến tham vấn của đơn vị đang hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội để hoàn thiện dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết. Kết quả tham vấn như sau:

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được 06 ý kiến tham vấn thống nhất của các đơn vị hoạt động khai thác khoáng trên địa bàn Thành phố.

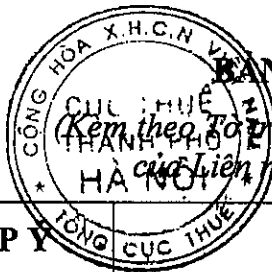
#### IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ:

- Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này; thực hiện tốt công tác tuyên truyền, tạo sự đồng thuận của nhân dân trong việc thực hiện thu phí.

- Thường trực HĐND Thành phố, các Ban của HĐND, các tổ đại biểu và đại biểu HĐND Thành phố đôn đốc và giám sát thực hiện Nghị quyết.

- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Thành phố phối hợp tuyên truyền, tham gia giám sát thực hiện Nghị quyết.

Trên đây là báo cáo đánh giá tác động chính sách của Nghị quyết ***“Sửa đổi mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội”***./.



**BẢN TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý**

*Kèm theo Tờ trình liên ngành số 28439 /TTrLN: CTHN-TNMT ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Liên ngành: Cục Thuế Thành phố Hà Nội – Sở Tài nguyên và Môi trường)*

| STT | ĐƠN VỊ GÓP Ý                                              | Ý KIẾN GÓP Ý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | GIẢI TRÌNH, CHỈNH SỬA VÀ TIẾP THU                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| I   | <b>TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN BẢNG VĂN BẢN</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| A   | <b>Các Sở, Ban, Ngành có liên quan</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 1   | Sở Tài chính (văn bản số 2963/STC-QLG ngày 03/6/2022)     | Thống nhất các nội dung trong Dự thảo Tờ trình và Dự thảo Nghị quyết.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu.                                                                                                                                                                                                                                      |
| 2   | Sở Tư pháp (văn bản số 1404/STP-VBPQ ngày 03/6/2022)      | 1. Tại dự thảo Tờ trình đề nghị viết rõ hơn phần cơ sở pháp lý căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 115/202/QH14; Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định: “Điều chỉnh mức hoặc tỷ lệ thu phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí trừ các loại phí thuộc nguồn thu của ngân sách trung ương hưởng 100%”. Đồng thời làm rõ hơn việc tính các mức thu điều chỉnh theo tỷ lệ bao | 1. Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh sửa lại;<br>2. Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, tuy nhiên do hình thức ban hành của Nghị quyết là sửa đổi Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND do đó không bãi bỏ điểm b Phần Danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND. |

|   |                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                         |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |                                                                                                               | <p>nhiều.</p> <p>2. Tại dự thảo Nghị quyết cơ quan soạn thảo không cần phải viết lại mức thu của Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND, đồng thời bổ sung thêm điều khoản bãi bỏ điểm b Phần B Danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND.</p> |                                                                                                                         |
| 3 | Kho bạc nhà nước TP Hà Nội (văn bản số 287/KBNN-KTNN ngày 02/6/2022)                                          | <p>1. Nhất trí với các nội dung của Dự thảo Tờ trình liên ngành, Tờ trình UBND, Dự thảo Nghị quyết</p> <p>2. Đề nghị lấy thêm ý kiến của các Sở, ngành để tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố</p>                                                       | <p>1. Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu.</p> <p>2. Cơ quan soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến của các Sở, ngành liên quan.</p> |
| B | <b>Các đơn vị hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố: Nhận được ý kiến tham vấn 06 đơn vị.</b> |                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                         |
| 1 | Công ty TNHH xây dựng và sản xuất VLXD Hà Tây: khai thác đá tại xã Hòa Thạch, huyện Quốc Oai                  | <i>Thống nhất với mức tăng phí theo nội dung Dự thảo Tờ trình ban hành và Dự thảo nghị quyết và đề xuất áp dụng từ 2023.</i>                                                                                                                         | Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu.                                                                                          |
| 2 | Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex34: khai thác đá tại xã Đông Xuân, huyện Quốc Oai                    | <i>Thống nhất với mức tăng phí theo nội dung Dự thảo Tờ trình ban hành và Dự thảo nghị quyết và đề xuất áp dụng từ 2023.</i>                                                                                                                         | Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu.                                                                                          |

|   |                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                    |                                |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
| 3 | Công ty Cổ phần thương mại Tiền Giang: khai thác cát san lấp tại xã Chu Phan, huyện Mê Linh                 | <i>Do hoạt động kinh doanh của đơn vị còn gặp nhiều khó khăn từ sau đại dịch Covid19, tiền thuê đất cao dẫn đến chi phí hoạt động khai thác tăng; Đề xuất chi tăng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản thêm 10%</i> | Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu. |
| 4 | Doanh nghiệp tư nhân Hồng Giang: khai thác cát san lấp tại xã Liên Hồng, huyện Đan Phượng                   | <i>Thống nhất với mức tăng phí theo nội dung Dự thảo Tờ trình ban hành và Dự thảo nghị quyết</i>                                                                                                                                   | Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu. |
| 5 | Công ty CP xây dựng và kinh doanh xăng dầu Minh Đạt: khai thác cát san lấp tại xã Đại Mạch, huyện Đông Anh. | <i>Thống nhất với mức tăng phí theo nội dung Dự thảo Tờ trình ban hành và Dự thảo nghị quyết</i>                                                                                                                                   | Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu. |
| 6 | Công ty CP Quảng Tây: khai thác cát san lấp tại thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì                              | <i>Thống nhất với mức tăng phí theo nội dung Dự thảo Tờ trình ban hành và Dự thảo nghị quyết</i>                                                                                                                                   | Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu. |

|    |                                                                                                           |                                                                    |  |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|--|
| II | <b>TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN QUA ĐĂNG TẢI CÔNG KHAI TRÊN CÔNG GIAO TIẾP ĐIỆN TỬ THÀNH PHỐ</b> |                                                                    |  |
|    | <b>Đăng tải dự thảo Tờ trình đề nghị ban hành nghị quyết và dự thảo Nghị quyết</b>                        |                                                                    |  |
|    | Từ ngày 27/5/2022 đến nay                                                                                 | Không nhận được ý kiến góp ý hoặc phản đối về nội dung của Dự thảo |  |

**BÁO CÁO GIẢI TRÌNH, TIẾP THU**  
**Ý kiến phản biện xã hội của Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố**  
**Hà Nội đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố điều chỉnh**  
**mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản**  
**trên địa bàn thành phố Hà Nội**

*(Kèm theo Tờ trình liên ngành số 28439 /TTrLN: CTHN-TNMT ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Liên ngành: Cục Thuế Thành phố Hà Nội – Sở Tài nguyên và Môi trường)*

Căn cứ vào ý kiến phản biện xã hội của Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội tại Thông báo số: 166/TB-MTTQ-BTT ngày 16/6/2022 đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội, cơ quan soạn thảo báo cáo giải trình, tiếp thu cụ thể như sau:

**1. Đối với dự thảo Nghị quyết:**

**a) Về thể thức của văn bản:**

**- Đối với ý kiến:**

*“Đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa lại tên gọi của Nghị quyết cụ thể như sau:*

*- Thay cụm từ “Điều chỉnh” thành “Sửa đổi”.*

*- Bỏ dòng “Thực hiện theo Nghị quyết số 115/2020/QH14 của Quốc hội” tại tên gọi và đưa xuống phần viện dẫn*

*- Bỏ dòng “Từ ngày ... đến ngày”*

*Lý do: Để phù hợp với quy định tại điều 12 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và khoản 5 điều 22 Luật phí và lệ phí năm 2015, trong đó có quy định “Thẩm quyền và trách nhiệm của UBND cấp tỉnh báo cáo HĐND cấp tỉnh xem xét cho ý kiến về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền HĐND cấp tỉnh”.*

Ý kiến trên cũng phù hợp với góp ý của các đại biểu tại cuộc họp Tập thể UBND tháng 6/2022. Cơ quan soạn thảo tiếp thu nội dung trên.

**- Đối với ý kiến:**

*“Tại phần viện dẫn, đề nghị cơ quan soạn thảo sửa cụ thể như sau:*

*- Ghi rõ căn cứ điểm b, khoản 1, điều 3. Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội.*

*- Gộp 02 Thông tư của Bộ Tài chính vào làm một căn cứ cụ thể: Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: Thông tư số 85/2009/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 về sửa*



*đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 về hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.”*

Về nội dung này, cơ quan soạn thảo đề xuất bảo lưu cách trình bày như trong Dự thảo Nghị quyết đã trình. Lý do: để đảm bảo tính xúc tích, ngắn gọn và rõ ràng trong viện dẫn văn bản quy phạm pháp luật. Chi tiết của viện dẫn sẽ được trình bày cụ thể trong nội dung Dự thảo Nghị quyết.

**b) Về nội dung của Nghị quyết**

*Tại Điều 1: Đề nghị cơ quan soạn thảo sửa lại cụ thể như sau “Sửa đổi mức thu phí quy định tại điểm b khoản 4 mục B của danh mục các khoản phí và lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố như sau:”*

Cơ quan soạn thảo đề xuất bảo lưu cách trình bày như trong Dự thảo Nghị quyết đã trình để đảm bảo đồng nhất cách gọi như trong Nghị quyết 13/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố.

*Tại khoản 3 Điều 2: Đề nghị cơ quan soạn thảo sửa lại cụ thể như sau “Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố tham gia giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này”.*

*Tại khoản 4 Điều 2: Đề nghị cơ quan soạn thảo sửa lại cụ thể như sau: Các nội dung khác không sửa đổi tại Nghị quyết này tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố.*

*Tại phần cuối của Nghị quyết, đề nghị cơ quan soạn thảo sửa lại thành HĐND khóa XVII và bỏ cụm “đến hết ngày 31/12/2025”. Lý do bỏ: Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội thực hiện thí điểm trong 05 năm sau đó tổng kết việc thực hiện Nghị quyết để báo cáo tại kỳ họp cuối năm 2025 và đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật về các cơ chế, chính sách đã thực hiện thí điểm, không ấn định thời gian hết hiệu lực của Nghị quyết Quốc hội, vì vậy Nghị quyết của HĐND Thành phố không nên ấn định thời gian hết hiệu lực; ngoài ra trong khoản điều 6 của Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội có quy định “... Trường hợp văn bản quy phạm*

pháp luật có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn Nghị quyết này thì việc áp dụng do HĐND thành phố Hà Nội quyết định”.

Ngoài các nội dung trên, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xem xét, bổ sung thêm các điều trong dự thảo Nghị quyết quy định rõ phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Nghị quyết.

Cơ quan soạn thảo tiếp thu và đã chỉnh sửa theo nội dung trên.

- Về ý kiến mức thu phí đối với các loại khoáng sản trong Nghị quyết:

“Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu kỹ lại mức thu phí, không nên tăng đồng đều các loại khoáng sản mà nên tăng phí tùy theo các loại khoáng sản căn cứ trên một số cơ sở sau đây:

- Giá cả các loại khoáng sản.
- Độ khan hiếm của các loại khoáng sản.
- Tác động của môi trường khi khai thác mỗi loại khoáng sản.
- Nhu cầu của thị trường đối với mỗi loại khoáng sản.

Ngoài ra, việc tăng mức thu phí khai thác khoáng sản cần dựa trên sự quản lý của chính quyền qua việc loại khoáng sản nào có thể được khai thác bình thường, loại khoáng sản nào cần hạn chế khai thác.”

Bộ phận soạn thảo đề xuất chia ra hai nhóm như sau:

- Nhóm 7/8 khoáng sản khai thác với quy mô nhỏ hoặc chưa khai thác:

Đá làm vật liệu xây dựng thông thường (02 giấy phép còn hiệu lực); Các loại đá khác (Đá vôi 01 Giấy phép, đá sét làm xi măng 01 Giấy phép, Puzolan 01 Giấy phép); Nước khoáng thiên nhiên (01 giấy phép còn hiệu lực); Các loại khoáng sản: Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình, Đất sét, đất làm gạch, ngói, Cao lanh, Than bùn hiện nay trên địa bàn Thành phố không có Giấy phép khai thác còn hiệu lực. Dự kiến trong thời gian tới chưa có kế hoạch cấp phép khai thác khoáng sản mới đối với các loại khoáng sản này.

Với nhóm khoáng sản này, giữ nguyên đề xuất mức thu phí bảo vệ môi trường tăng thêm 60% so với mức quy định tại Nghị Quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 và mức tối đa quy định tại Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ: do chỉ số giá tiêu dùng dự kiến đến 2025 tăng khoảng 50% so với năm 2012, do vậy mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố đề xuất tăng thêm 50% và do đặc thù của thành phố Hà Nội theo quy định Nghị quyết số 115/2020/QH14 đề xuất tăng mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản thêm 10% (số thu tăng thêm từ khoản thu phí để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế- xã hội và chi hoạt động kinh tế, khoa học và công nghệ, giáo dục, y tế và phúc lợi xã hội).

- Đối với khoáng sản cát (Cát san lấp, cát xây dựng):

+ Đây là loại khoáng sản được khai thác chủ yếu ở Thành phố Hà Nội, hiện nay có 09 Giấy phép khai thác còn hiệu lực. Ngày 19/7/2018, UBND Thành phố có Quyết định số 3664/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đề án thăm dò đánh giá trữ lượng và chất lượng khoáng sản đối với 23 điểm mỏ cát trên các sông thuộc địa bàn thành phố Hà Nội, để tổ chức thực hiện đấu giá đưa vào khai thác từ năm 2023 đến 2025 theo 03 giai đoạn với tổng trữ lượng cát dự kiến đưa vào khai thác khoảng 60 triệu m<sup>3</sup>.

+ Do đặc thù khai thác cát có thể tác động đến dòng chảy, đề điều và công trình thủy lợi; Tăng thêm mức thu phí bảo vệ môi trường đối với việc khai thác cát so với 07 loại khoáng sản còn lại trên địa bàn Thành phố, sẽ khuyến khích sử dụng vật liệu khác thay thế cát xây dựng, góp phần hạn chế khai thác, giảm vấn đề ô nhiễm môi trường và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, đề điều và công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố của các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác cát.

+ Đồng thời tham khảo mức tăng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản đề xuất tại Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản (Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý lần cuối), phí bảo vệ môi trường tối đa đối với khai thác khoáng sản cát trong Dự thảo đã nâng lên 7.500 đ/m<sup>3</sup>.

Vì vậy, đề xuất cần tăng mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản cát tăng thêm 90% (7.600 đ/m<sup>3</sup>) so với mức quy định tại Nghị Quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020. Cụ thể như sau:

| STT | Loại khoáng sản                                         | Đơn vị tính    | Mức thu theo Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND (đồng) | Khung mức thu theo Nghị định 164/2016/NĐ-CP |                       | Mức thu đề xuất mới trên địa bàn Hà Nội theo Nghị quyết số 115/2020/QH14 (đồng) | Mức tăng |
|-----|---------------------------------------------------------|----------------|------------------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------------|----------|
|     |                                                         |                |                                                | Mức thu tối thiểu (đồng)                    | Mức thu tối đa (đồng) |                                                                                 |          |
| 1   | Đá làm vật liệu xây dựng thông thường                   | m <sup>3</sup> | 5.000                                          | 1.000                                       | 5.000                 | 8.000                                                                           | 60%      |
| 2   | Các loại đá khác (Đá vôi, đá sét làm xi măng, Puzzolan) | Tấn            | 3.000                                          | 1.000                                       | 3.000                 | 4.800                                                                           | 60%      |
| 3   | Các loại cát khác (Cát san lấp, cát xây dựng,...)       | m <sup>3</sup> | 4.000                                          | 2.000                                       | 4.000                 | 7.600                                                                           | 90%      |

|   |                                               |                |        |       |        |        |     |
|---|-----------------------------------------------|----------------|--------|-------|--------|--------|-----|
| 4 | Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình | m <sup>3</sup> | 2.000  | 1.000 | 2.000  | 3.200  | 60% |
| 5 | Đất sét, đất làm gạch, ngói                   | m <sup>3</sup> | 2.000  | 1.500 | 2.000  | 3.200  | 60% |
| 6 | Cao lanh                                      | m <sup>3</sup> | 7.000  | 5.000 | 7.000  | 11.200 | 60% |
| 7 | Nước khoáng thiên nhiên                       | m <sup>3</sup> | 3.000  | 2.000 | 3.000  | 4.800  | 60% |
| 8 | Than bùn                                      | Tấn            | 10.000 | 6.000 | 10.000 | 16.000 | 60% |

## 2. Đối với dự thảo Tờ trình:

*“Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu thiết kế lại bố cục của dự thảo tờ trình đảm bảo hợp lý, gọn gàng, không dài dòng, mục tiêu xây dựng Nghị quyết cần thống nhất giữa các văn bản; trong dự thảo tờ trình cần giải trình rõ mức giá thu phí đề xuất (tăng 50% theo Nghị định 164/2016/NĐ-CP, tăng thêm 10% áp dụng riêng đối với thành phố Hà Nội).*

*Ngoài ra, đề nghị cơ quan soạn thảo cần bổ sung thêm đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân để các đại biểu HĐND có căn cứ đánh giá ban hành Nghị quyết sửa đổi.”*

Cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến và đã chỉnh sửa, bổ sung.

## 3. Một số ý kiến khác:

*“Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu các biện pháp, cơ chế quản lý tránh thất thoát theo chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan đơn vị; mối quan hệ giữa các sở ngành và địa phương trong việc thu phí bảo vệ môi trường; thẩm quyền xử lý; hạn chế việc khai thác khoáng sản nhỏ lẻ, khuyến khích sử dụng các vật liệu thay thế.*

*Đề nghị có cơ chế linh hoạt trong việc tăng, giảm các loại phí theo thẩm quyền của HĐND Thành phố.*

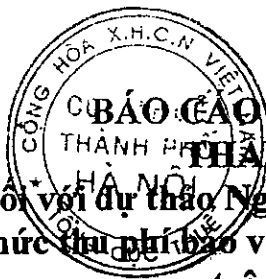
*Đề nghị trong tổ chức thực hiện cần phân rõ nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các sở, ngành, địa phương, đặc biệt là đề cao vai trò giám sát của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố và Nhân dân trong việc khai thác khoáng sản và việc thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.”*

Cơ quan soạn thảo có ý kiến như sau: Theo quy định tại Điều 47 của Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 14/3/2020 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản, hành vi khai thác khoáng sản trái phép có thể bị xử phạt vi phạm hành chính đến 2 tỷ đồng, cùng với hình thức xử phạt bổ sung: tịch thu toàn bộ khoáng sản được quy đổi bằng tiền; tịch thu phương tiện sử dụng vi phạm hành chính. Như vậy với mức xử phạt VPHC như

quy định tại Nghị định số 36/2020/NĐ-CP đã đủ chế tài để răn đe hành vi khai thác khoáng sản trái phép.

Trên cơ sở tiếp thu và giải trình các ý kiến phản biện xã hội của Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội, cơ quan soạn thảo đã hoàn thiện hồ sơ để báo cáo UBND Thành phố để trình Hội đồng nhân dân Thành phố theo đúng quy định.

Trân trọng./.



**BÁO CÁO GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN  
THẨM ĐỊNH CỦA SỞ TƯ PHÁP  
Đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố điều chỉnh  
mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản  
trên địa bàn thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Tờ trình liên ngành số 28439 /TTrLN: CTHN-TNMT ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Liên ngành: Cục Thuế Thành phố Hà Nội – Sở Tài nguyên và Môi trường)

Sau khi nhận nội dung công văn số 139/BC-STP ngày 09/6/2022 của Sở Tư pháp về ý kiến thẩm định dự thảo Nghị quyết điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội thực hiện theo Nghị quyết số 115/2020/QH14 của Quốc hội, cơ quan soạn thảo có ý kiến như sau:

**1. Về đối tượng, phạm vi điều chỉnh đối với dự thảo Nghị quyết:**

Sở Tư pháp nhất trí với nội dung này

**2. Tên dự thảo:** Đề nghị sửa lại: “ Nghị quyết điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội thực hiện theo Nghị quyết số 115/2020/QH14 của Quốc hội”

Cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến và đã chỉnh sửa.

**3. Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo:**

Cơ quan soạn thảo tiếp thu và chỉnh sửa theo ý kiến thẩm định theo đúng quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị Định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

**4. Đối với ý kiến về sự phù hợp của Quyết định với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước (tại mục 3):**

Sở Tư pháp có ý kiến: “*Tại điểm a Khoản 3 Phần II Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình có đề ra nhiệm vụ: “Tiếp tục rà soát, giảm các loại phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid -19”. Do đó, cơ quan soạn thảo cần bổ sung thêm phần giải trình để đảm bảo sự thống nhất trong chủ trương, chính sách của Nhà nước.*

Về nội dung này, cơ quan soạn thảo xin được giải trình cụ thể như sau:

Ngay khi dịch bệnh Covid xảy ra, Chính phủ, Bộ Tài chính đã ban hành các chính sách giảm phí, lệ phí cho doanh nghiệp và người dân chịu sự ảnh hưởng của dịch bệnh. UBND Thành phố đã giao Bộ phận thường trực triển khai Luật phí và lệ trên địa bàn thành phố Hà Nội phối hợp với các Sở, ngành rà soát, đề xuất giảm thu phí, lệ phí bảo đảm an sinh xã hội và đời sống của người dân, nhất là người dân, doanh nghiệp chịu ảnh hưởng trực tiếp; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Bộ phận thường trực cùng các sở, ngành đã tham mưu UBND Thành phố báo cáo UBND Thành phố đề xuất giảm một số khoản phí, lệ phí với Chính phủ, Bộ Tài chính như: Lệ phí cấp Căn cước công dân, Lệ phí trước bạ, giảm phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện cho doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách, lệ phí cấp chứng chỉ năng lực/hành nghề hoạt động xây dựng; phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng; phí thẩm định thiết kế cơ sở; phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán; lệ phí sở hữu công nghiệp....

Đến nay, tình hình dịch Covid trên địa bàn thành phố Hà Nội cơ bản đã được kiểm soát. Các doanh nghiệp khai thác khoáng sản đã hoạt động bình thường trở lại. Qua tham vấn, hầu hết các doanh nghiệp đều thống nhất với mức điều chỉnh tăng phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản. Mặt khác, mức phí bảo vệ môi trường tăng thêm của khoáng sản vật liệu xây dựng chỉ chiếm khoảng 1% của giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố, do vậy mức tăng này tác động không đáng kể đến giá vật liệu xây dựng.

Việc tăng mức thu phí BVMT đối với việc khai thác các khoáng sản sẽ khuyến khích sử dụng vật liệu khác thay thế các loại khoáng sản, góp phần hạn chế khai thác, giảm vấn đề ô nhiễm môi trường và nâng cao ý thức BVMT của các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản. Như vậy, việc đề xuất tăng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản vẫn phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước.

#### **5. Đối với ý kiến về nội dung giải trình về nguồn lực, điều kiện đảm bảo thi hành tại Mục 6:**

Cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp và giải trình về nguồn lực, điều kiện đảm bảo thi hành tại Tờ trình ban hành Nghị quyết của UBND Thành phố, cụ thể:

##### ***“5.1. Dự kiến nguồn lực:***

*UBND Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết; giao các Sở, ban ngành liên quan và UBND các quận, huyện, thị xã thực hiện triển khai thi hành và tổ chức kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm.*

*Thường trực HĐND Thành phố, các Ban HĐND, các tổ đại biểu, đại biểu HĐND Thành phố và đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.*

### **5.2. Điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết:**

*Ngay khi Nghị quyết của HĐND Thành phố được ban hành UBND Thành phố và các Sở, ban, ngành liên quan cần phải triển khai tuyên truyền, phổ biến sâu rộng, kịp thời các quy định của Nghị quyết đến các cơ quan, tổ chức trên địa bàn Thành phố được biết và thực hiện. Đơn vị thu phí có trách nhiệm niêm yết hoặc thông báo công khai tại địa điểm thu phí về tên phí; mức thu phí; phương thức thu và cơ quan quy định thu.*

*Cần đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thi hành Nghị quyết, trong đó quy định cụ thể hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân và nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra của Ủy ban nhân dân."*

*Trên cơ sở tiếp thu và giải trình các ý kiến thẩm định trên của Sở Tư pháp, cơ quan soạn thảo hoàn thiện hồ sơ để trình Hội đồng nhân dân Thành phố theo đúng quy định.*

**Trân trọng./.**